

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Địa chỉ: Số 158, Ngõ Gia Tự, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: : (84.27) 4382 2908

Fax: (84.27) 4383 2751

Website: <https://unilogistics.vn>

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700492666 do Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 19 tháng 03 năm 2003, cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 22 tháng 06 năm 2026)



CLIENTS' INTERESTS FIRST

Bản Thông tin tóm tắt này sẽ được cung cấp tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I (U&I LOGISTICS)

- Địa chỉ: Số 158 Ngõ Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84.27) 4382 2908 Fax: (84.27) 4383 2751 Website: <https://unilogistics.vn>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông NGUYỄN XUÂN PHÚC – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 158, Ngõ Gia Tự, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: (84.27) 4382 2908

Fax: (84.27) 4383 2751

Website: <https://unilogistics.vn>

MỤC LỤC

I. CÁC KHÁI NIỆM.....	3
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	4
1. Thông tin chung về Công ty.....	4
2. Thông tin về chứng khoán đăng ký giao dịch	4
3. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty	5
4. Cơ cấu tổ chức của Công ty	8
5. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	11
6. Giới thiệu về quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty:	16
7. Cơ cấu cổ đông; Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	26
8. Hoạt động kinh doanh	28
9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2024 – Q1/2026	36
10. Vị thế của công ty trong ngành	38
11. Chính sách đối với người lao động	41
12. Chính sách cổ tức	43
13. Tình hình tài chính	43
14. Tài sản cố định	57
15. Các dự án của Công ty:	63
16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	63
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng	66
18. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	66
19. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty	68
III. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	68
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng Quản trị	68
2. Ban kiểm soát.....	73
3. Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác	76
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	78
5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	80
6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định	95
IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CAM KẾT CỦA CÔNG TY	100
1. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin công ty đại chúng:.....	100
2. Cam kết của công ty:.....	100
V. NGÀY THÁNG NĂM, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ĐẠI CHÚNG	101

I. CÁC KHÁI NIỆM

TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM	DIỄN GIẢI
Bản Thông tin tóm tắt	Bản Thông tin tóm tắt của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
Công ty, Công ty đại chúng, U&I Logistics	Công ty Cổ phần Logistics U&I
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
TTCK	Thị trường Chứng khoán
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty cổ phần

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Thông tin chung về Công ty:

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I**
- Tên tiếng Anh : **U&I LOGISTICS CORPORATION**
- Trụ sở chính : **Số 158, Ngô Gia Tự, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**
- Số điện thoại : **(84.27) 4382 2908**
- Website : **<https://unilogistics.vn>**
- Giấy CNĐKKD : **Giấy chứng nhận ĐKDN số 3700492666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính TP.HCM) cấp lần đầu ngày 19 tháng 03 năm 2003, cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 22 tháng 06 năm 2026.**
- Người đại diện theo pháp luật : **Ông Nguyễn Xuân Phúc – Tổng Giám đốc**
- Ngành, nghề kinh doanh chính : - **Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải**
Chi tiết: Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Bao gói hàng hóa (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); Hoạt động logistics bao gồm lập kế hoạch, tổ chức và hỗ trợ hoạt động vận tải, kho bãi và phân phối hàng hóa (Trừ các hoạt động sau: Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; dịch vụ hoa tiêu hàng hải).

1. Thông tin về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: **Cổ phiếu phổ thông.**
- Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phiếu.**
- Mã chứng khoán: **ULG.**

- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 72.000.000 cổ phiếu.
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Công ty: 0 cổ phiếu.
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: 0% (căn cứ theo văn bản số 2314/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký ngày 25/03/2026 về việc hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của Công ty)

3. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

3.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty Cổ phần Logistics U&I (tên cũ Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải U&I) là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700492666, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 03 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 22 tháng 06 năm 2026 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh) cấp.

Các cột mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty cụ thể như sau:

Năm	Nội dung
Năm 2003	- Ngày 19/03/2003, Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải U&I (viết tắt: Unitrans) ra đời, kế thừa toàn bộ hoạt động kinh doanh dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn xuất nhập khẩu, đại lý thủ tục hải quan, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu từ Công ty TNHH U&I (tiền thân của Công ty Cổ phần Đầu tư U&I).
Năm 2007	- Ngày 26/01/2007, Công ty khai trương Kho ngoại quan lớn nhất Việt Nam thời điểm đó với quy mô 39.200 m ² . - Công ty trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ logistics uy tín ở tỉnh Bình Dương, được nhiều khách hàng trong và ngoài nước lựa chọn và tin dùng.
Năm 2008	- Tháng 12/2008, Công ty khánh thành Kho ngoại quan số 2 với diện tích 37.664 m ² , nâng tổng diện tích kho ngoại quan lên 77.264 m ²
Năm 2012	- Công ty đã khai trương thêm Kho Ngoại quan số 3 nâng tổng quy mô diện tích kho ngoại quan lên 87.040 m ² .
Năm 2014	- U&I Logistics là đơn vị đầu tiên đầu tư vào mô hình Sàn vận tải Việt Nam (VTruck) giải quyết bài toán xe chạy rỗng chiều về trong vận tải ở Việt Nam. - Thành lập Công ty thành viên U&I Warehousing, chuyên cung cấp các dịch vụ phân phối hàng hóa để làm trung tâm phân phối hàng hóa phục vụ các siêu thị tại miền Nam cho hai hệ thống siêu thị hàng đầu Việt Nam tại KCN Sóng thần 1 và KCN VSIP với tổng diện tích sàn kho trên 20.000 m ² .

Năm	Nội dung
Năm 2015	- Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải U&I đổi tên thành Công ty Cổ phần Logistics U&I với mục đích cung cấp các dịch vụ logistics trọn gói cho khách hàng.
Năm 2016	- Tháng 03/2016, đưa kho ngoại quan số 6, 7 đi vào hoạt động với quy mô 60.750 m2.
Năm 2018	- Phát triển kho chuyên dụng cho hàng cao su và vật liệu xây dựng tại Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh với thương hiệu Rusco. - Thành lập Công ty thành viên U&I Logistics miền Bắc nhằm phủ sóng dịch vụ logistics toàn bộ khu vực kinh tế trọng điểm ở miền Bắc.
Năm 2019	- Thành lập Công ty thành viên Vận tải U&I miền Bắc nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa khu vực phía Bắc
Năm 2021	- Tháng 10/2021, khai trương kho ngoại quan số 10 với quy mô 12.668m ² , đưa Công ty trở thành doanh nghiệp kinh doanh Kho ngoại quan ngành Gỗ & Nội thất lớn nhất Đông Nam Á (Diện tích sàn kho 242.000m ² với tổng sức chứa trên 2.000.000m ³)
Năm 2022	- Thành lập chi nhánh U&I Logistics Tp.HCM, mở rộng phạm vi phục vụ khách hàng ở các khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu và thuận tiện chăm sóc mạng lưới đối tác đại lý trên toàn cầu. - Được Ban quản lý các KCN Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư dự án “Xây dựng nhà xưởng gia công cơ khí và nhà xưởng, kho cho thuê” ngày 05/10/2022 với tổng diện tích 149.830 m ² .
Năm 2023	- U&I Logistics trở thành một trong những thương hiệu logistics tư nhân hàng đầu Việt Nam, sở hữu hơn 40 xe đầu kéo và hơn 100 rơ-moóc và mạng lưới đối tác vận tải quy mô đáp ứng hơn 1.000 TEUs/ngày. - U&I Logistics là đối tác của hơn 20 hãng tàu có các tuyến Nội Á và xuyên đại dương, cùng với 16 hãng hàng không lớn trong và ngoài nước, phục vụ hàng chục ngàn container nhập – xuất hàng năm. - Thành lập Văn phòng kinh doanh tại Cần Thơ, Bàu Bàng (Bình Dương), Tân Bình (Tp. Hồ Chí Minh).
Năm 2024	- U&I Logistics nâng vốn điều lệ lên 720.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700492666, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 03 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 29 tháng 03 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh) cấp. - Tháng 4/2024: thành lập Văn phòng kinh doanh tại Đà Nẵng để phục vụ khách hàng khu vực miền Trung.



Năm	Nội dung
Năm 2025	Tháng 12/2025 được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận là “Doanh nghiệp Xanh Thành phố Hồ Chí Minh 2025”, đây là dấu mốc cho Chiến lược Phát triển bền vững, đánh dấu bước tiến quan trọng của U&I Logistics trên lộ trình trở thành nhà cung cấp giải pháp logistics trọn gói, bền vững và có trách nhiệm.
Năm 2026	- Ngày 26/01/2026, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng. - Ngày 19/03/2026, Công ty đã được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam xác nhận đã hoàn tất việc đăng ký cổ phiếu tại VSDC. Theo đó, mã chứng khoán của Công ty là ULG.

Nguồn: CTCP U&I Logistics

3.2. Ngày Công ty đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng: Ngày 20/06/2024

- Ngày Công ty đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15: **ngày 20/06/2024.**
- Ngày Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 834/UBCK-GSĐC: **ngày 26/01/2026.**

3.3. Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tại ngày công ty đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng

Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ: 720.000.000.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/03/2024: 762.580.650.129 đồng (căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1/2024 đã được kiểm toán).
- Số lượng cổ đông (tại ngày 20/06/2024): 117 cổ đông.
- Cơ cấu cổ đông (tại ngày 20/06/2024): 115 cổ đông không phải là cổ đông lớn, sở hữu 41.522.038 cổ phần có quyền biểu quyết, tỷ lệ 57,67% trên vốn điều lệ.

3.4. Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký giao dịch gần nhất

Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm nộp hồ sơ công ty đại chúng gần nhất cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ: 720.000.000.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025: 822.511.038.130 đồng (căn cứ theo Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2025 của Công ty).
- Số lượng cổ đông (tại ngày 12/06/2026): 129 cổ đông.

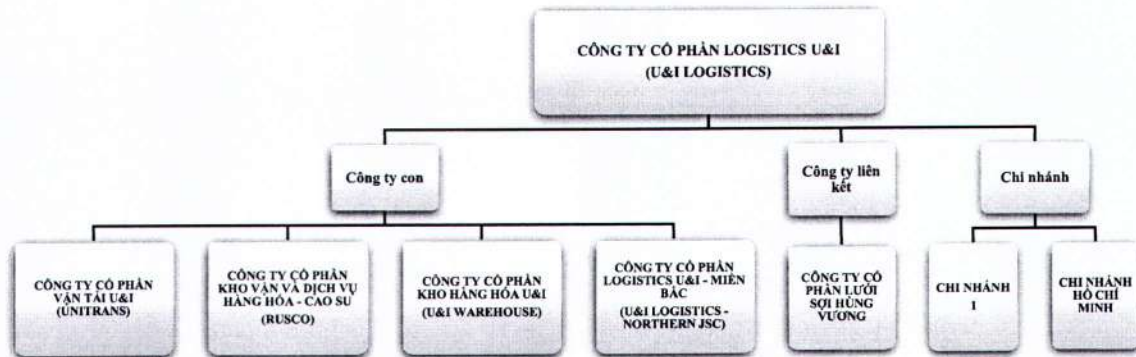
- Cơ cấu cổ đông (tại ngày 12/06/2026): 126 cổ đông không phải là cổ đông lớn, sở hữu 37.832.282 cổ phần có quyền biểu quyết, tỷ lệ 52,54% trên vốn điều lệ.

4. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Logistics U&I được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

U&I Logistics gồm có **04 Công ty con**, **01 Công ty liên kết** và **02 chi nhánh** (công ty không có công ty mẹ) cụ thể như sau:

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 của CTCP Logistics U&I

Thông tin về các Công ty con, Công ty liên kết và các chi nhánh như sau:

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

STT	Tên Công ty	Thời điểm thành lập	Vốn điều lệ	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 31/03/2026	
						Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ sở hữu
A	Công ty con								
1	Công ty Cổ phần Vận tải U&I	21/08/2008	20.000.000.000	158 Ngô Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	91,05%	91,05%	91,05%	91,05%
2	Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Hàng hóa – Cao su	26/07/2004	23.367.500.000	Số 45 đường số 11, Khu phố 04, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh.	Cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa	93,62%	93,62%	93,62%	93,62%
3	Công ty Cổ phần Kho Hàng hóa U&I	12/08/2014	39.000.000.000	158 Ngô Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	Cung ứng dịch vụ	98,00%	98,00%	98,00%	98,00%
4	Công ty Cổ phần Logistics U&I – Miền Bắc	01/02/2018	20.000.000.000	Phòng 1451M, tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%
B	Công ty liên kết								
1	Công ty Cổ phần Lưới sợi Hùng Vương	08/01/2003	11.013.200.000	743/32 Hồng Bàng, Phường Bình Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.	Sản xuất các loại dây bện, lưới và sản xuất sợi	28,09%	30,00%	28,09%	30,00%

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

CTCP LOGISTICS U&I



STT	Tên Công ty	Thời điểm thành lập	Vốn điều lệ	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 31/03/2026	
						Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ sở hữu
C	Chi nhánh								
1	Chi nhánh 1	05/12/2014	N/A	Lô L, đường D5, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
2	Chi nhánh Hồ Chí Minh	11/02/2022	N/A	05 Giang Văn Minh, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A

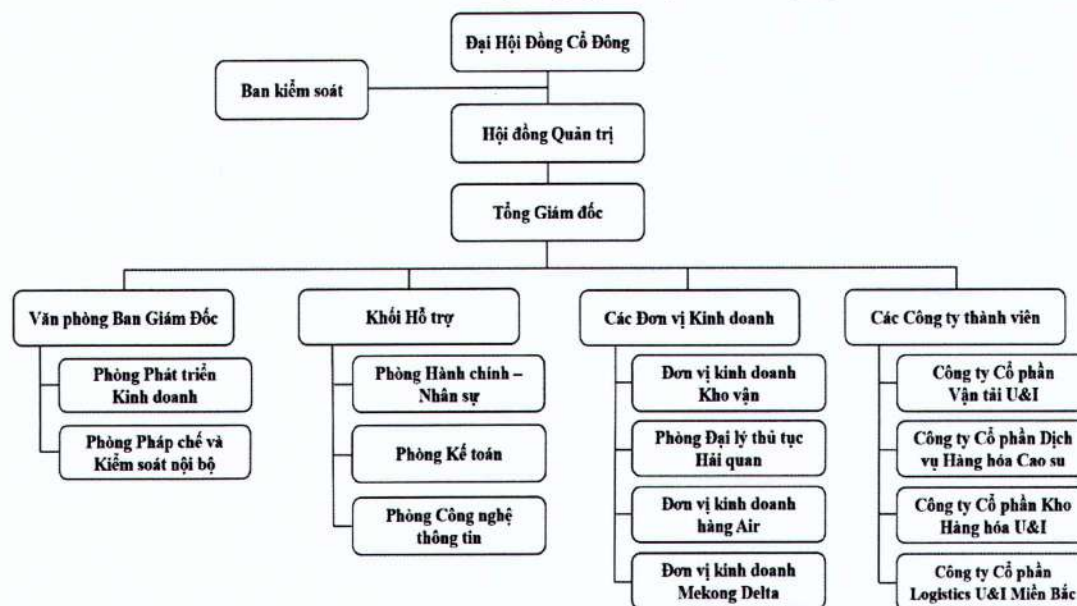
Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026 của CTCP Logistics U&I

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]



5. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: CTCP Logistics U&I

5.1. Đại hội đồng cổ đông

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm họp một lần. ĐHĐCĐ quyết định cơ cấu tổ chức, giải thể, phá sản Công ty, quyết định các kế hoạch đầu tư dài hạn và chiến lược phát triển, cơ cấu vốn, bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm các thành viên HĐQT, BKS và các nội dung khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5.2. Hội đồng quản trị

HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty đối với các vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác, cuộc họp định kỳ của HĐQT do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

5.3. Ban kiểm soát

BKS có từ 03 đến 05 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của HĐQT. Hiện nay, số lượng thành viên BKS của Công ty là 03 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của HĐQT.

5.4. Tổng Giám đốc

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;

- Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Các chức năng và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường cho Công ty nếu trong quá trình điều hành trái với quy định và Điều lệ Công ty dẫn đến thiệt hại.

5.5. Văn phòng Ban Giám đốc

5.5.1. Phòng Phát triển Kinh doanh

- Phòng Phát triển Kinh doanh có chức năng tham mưu, phân tích xu hướng thị trường, đánh giá môi trường kinh doanh và đề xuất chiến lược tăng trưởng doanh số, chiến lược phát triển mạng lưới kinh doanh của công ty.
- Triển khai công tác xây dựng và phát triển mạng lưới khách hàng tiềm năng, khách hàng mới.
- Phối hợp với các Phòng ban/ Đơn vị khác về công tác phát triển các sản phẩm dịch vụ, phát triển thị trường của công ty.
- Xây dựng các chính sách dịch vụ chăm sóc khách hàng, duy trì mạng lưới khách hàng hiện tại.
- Hỗ trợ các Phòng ban/ Đơn vị khác về công tác chăm sóc và duy trì hoạt động kinh doanh với các khách hàng hiện có theo định kỳ hoặc đột xuất.
- Xây dựng, cập nhật và giám sát thực hiện chiến lược 5 năm.
- Lập các Báo cáo hoạt động theo quy định và lập kế hoạch kinh doanh cho toàn công ty.
- Nghiên cứu mô hình tăng trưởng, mở rộng thị trường và đề xuất mô hình kinh doanh phù hợp.
- Tổ chức nghiên cứu, thử nghiệm và phát triển các phương án có khả năng ứng dụng thực tiễn.
- Điều phối triển khai các kế hoạch tại ban chuyển đổi số, và các chương trình liên quan đến ESG.
- Xây dựng định vị và quản trị thương hiệu công ty theo chiến lược tổng thể.
- Thiết lập và phát triển quan hệ đối ngoại với hiệp hội, tổ chức ngành, cơ quan truyền thông và đối tác trong/ngoài nước.
- Quản lý các kênh truyền thông nội bộ, lan tỏa văn hóa và giá trị cốt lõi của Công ty.
- Theo dõi hình ảnh thương hiệu trên các kênh truyền thông; xử lý khủng hoảng truyền thông khi phát sinh.

5.5.2. Phòng Pháp chế và kiểm soát nội bộ

- Đảm nhiệm chức năng pháp lý doanh nghiệp, giám sát tuân thủ nội bộ và quản trị rủi ro.
- Đảm bảo tính pháp lý của các hợp đồng, văn bản, chính sách, thông báo, quy định.
- Tư vấn Tổng Giám đốc và các phòng ban về luật doanh nghiệp, lao động, logistics, thương mại...
- Cập nhật và cảnh báo các rủi ro pháp lý từ chính sách mới, thay đổi pháp luật.
- Xử lý tranh chấp – hồ sơ pháp lý: Đại diện công ty làm việc với cơ quan nhà nước, chuẩn bị hồ sơ xử lý khiếu nại – tranh chấp nội bộ và với khách hàng.
- Kiểm tra việc thực thi quy trình, quy chế, chính sách nội bộ.
- Đánh giá định kỳ các ĐVKD về tính tuân thủ văn hoá hành vi, tài sản, bảo mật thông tin...
- Tiếp nhận phản ánh, tổ chức xác minh và báo cáo cho Tổng Giám đốc.
- Xây dựng và cập nhật ma trận rủi ro toàn công ty (tài chính – pháp lý – vận hành – văn hóa).
- Đề xuất phương án phòng ngừa và cảnh báo rủi ro trọng yếu lên Tổng Giám đốc định kỳ.

5.6. Khối hỗ trợ**5.6.1. Phòng Hành chính - Nhân sự**

- Là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống nhân sự, quản lý chính sách lao động, phúc lợi, đào tạo và vận hành hành chính văn phòng. Đồng thời, duy trì nền nếp nội bộ, chuẩn hóa hành vi tổ chức theo văn hóa doanh nghiệp.
- Lập kế hoạch tuyển dụng, quy trình phỏng vấn, ký kết hợp đồng lao động.
- Phối hợp các phòng ban, đơn vị để điều chuyển, bổ sung, thay thế nhân sự đúng nhu cầu, đúng ngân sách.
- Xây dựng các chính sách với người lao động: thang lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, phụ cấp, thu nhập khác, xử lý phúc lợi, xử lý kỷ luật theo chính sách nội bộ & pháp luật hiện hành.
- Quản lý văn hóa hành vi, đánh giá thái độ – tác phong làm việc.
- Tham mưu xử lý vi phạm kỷ luật, cảnh cáo, điều chuyển, sa thải (nếu cần).
- Quản lý hành chính văn phòng: Văn thư – lưu trữ, cấp phát văn phòng phẩm, quản lý công tác phí, xe chung; theo dõi hợp đồng thuê văn phòng, bảo trì hệ thống điện – nước – điều hòa – thiết bị công ty.
- Quản lý cấp phát – thu hồi – kiểm kê định kỳ tài sản Công ty.
- Tổ chức các sự kiện, hội nghị, du lịch, các hoạt động kỷ niệm của Công ty.
- Thực hiện các công tác thăm hỏi, hiếu hỷ, động viên cán bộ nhân viên.
- Phối hợp điều phối sự kiện – truyền thông nội bộ (kỹ thuật hậu cần), Hỗ trợ tổ chức các buổi đào tạo, hội nghị, truyền thông nội bộ cùng Bộ phận Văn hóa.

- Công tác vệ sinh môi trường, an ninh & an toàn vệ sinh lao động.
- Quản lý Cơ sở hạ tầng, Công tác An toàn PCCC, Công nghệ thông tin.
- Xây dựng và tổ chức chương trình đào tạo nội bộ hoặc thuê ngoài.
- Xây dựng và vận hành hệ thống đào tạo nội bộ, thiết kế và cung cấp các gói đào tạo "Chuyên biệt" theo yêu cầu của khách hàng, giúp gia tăng giá trị, củng cố mối quan hệ đối tác chiến lược.

5.6.2. Phòng Kế toán

- Thực hiện nghiệp vụ kế toán, ghi nhận và tổng hợp số liệu tài chính toàn hệ thống. Chịu trách nhiệm đảm bảo tính minh bạch, chính xác, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực kế toán, đồng thời cung cấp dữ liệu báo cáo phục vụ quản trị, kiểm toán, và cơ quan nhà nước
- Ghi nhận các nghiệp vụ kế toán phát sinh: doanh thu, chi phí, tài sản, công nợ...
- Quản lý hệ thống tài khoản kế toán, chứng từ, đối chiếu sổ sách.
- Lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực và báo cáo quản trị theo yêu cầu.
- Chuẩn bị báo cáo phục vụ kiểm toán độc lập, cơ quan thuế.
- Kê khai và nộp thuế đúng hạn (VAT, TNDN, TNCN...)
- Đối chiếu với cơ quan thuế, kiểm toán, thanh tra khi có yêu cầu.
- Tư vấn Tổng Giám đốc các rủi ro hoặc thay đổi chính sách thuế.
- Kiểm soát công nợ, hỗ trợ ĐVKD đối chiếu công nợ với khách hàng và nhà cung cấp.
- Quản lý chi tiết các dòng tiền nội bộ.
- Theo dõi chi phí từng mảng dịch vụ / ĐVKD theo quy định kế toán.
- Hạch toán khấu hao, điều chuyển, thanh lý tài sản đúng quy trình.

5.6.3. Phòng Công nghệ thông tin

- Nghiên cứu, đề xuất và triển khai xây dựng hệ thống, duy trì, quản trị, tối ưu hóa hệ thống máy chủ, hệ thống lưu trữ, tổng đài, camera, giám sát vào ra, mạng, phần mềm hệ thống v.v...
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định, cấp quyền sử dụng, quy trình kỹ thuật các chương trình của hệ thống, an ninh mạng - truyền thông.
- Quản trị cơ sở dữ liệu, quản trị hệ thống và các ứng dụng về công nghệ thông tin của Công ty, xử lý các sự cố trong quá trình sử dụng phần mềm, vận hành máy tính, hệ thống phần cứng, đảm bảo sự vận hành liên tục và hiệu quả của toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin
- Thực hiện việc đánh giá, phân tích định kỳ về hiệu quả các hệ thống phần cứng, phần mềm; đề xuất các giải pháp để cải tiến, tối ưu hoá hiệu quả hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin.
- Xây dựng hệ thống phần mềm phục vụ công việc, tài liệu sử dụng, đào tạo hướng dẫn sử dụng các phần mềm ứng dụng cho nhân viên trong Công ty

5.7. Các Đơn vị kinh doanh

5.7.1. Đơn vị kinh doanh Kho vận

- Là đơn vị tổ chức và vận hành toàn bộ hệ thống kho của U&I Logistics: từ kho lưu trữ thông thường đến kho ngoại quan, kho giá trị gia tăng, kho phục vụ thương mại điện tử và phân phối hàng bán lẻ. Cung cấp dịch vụ hoàn thiện đơn hàng (fulfillment) và tích hợp vận hành với các Đơn vị kinh doanh (ĐVKD) khác.
- Vận hành kho và hạ tầng logistics: Tổ chức nhập kho – xuất kho – kiểm đếm – kiểm tồn; quản lý hệ thống WMS (Warehouse Management System) và các công cụ quản trị kho hiện đại; bảo đảm an toàn kho.
- Cung cấp dịch vụ hoàn thiện đơn hàng (fulfillment) & dịch vụ giá trị gia tăng (đóng gói, dán nhãn, phân đơn, phối hợp tuyến giao hàng thương mại điện tử; hỗ trợ kiểm định, gia công nhẹ theo yêu cầu của khách hàng).
- Tối ưu công suất – khai thác hiệu quả kho: Phân tích công suất sử dụng từng kho; đề xuất phương án khai thác linh hoạt: thuê ngoài, chia sẻ, kho vệ tinh...; cảnh báo Tổng Giám đốc nếu có tình trạng dư thừa, chậm xoay vòng hoặc rủi ro tài sản.
- Quản lý hành chính & nhân sự tại kho.

5.7.2. Phòng Đại lý thủ tục hải quan

- Là đơn vị chuyên môn cung cấp dịch vụ khai báo hải quan, tư vấn chính sách thuế – HS Code, xử lý các thủ tục quản lý chuyên ngành và chứng nhận xuất xứ (C/O). Đồng thời là đầu mối vận hành các hạ tầng liên quan đến thủ tục xuất nhập khẩu như hệ thống khai báo điện tử, kết nối cơ quan nhà nước, cổng hải quan.
- Khai báo hải quan các loại hình; Xử lý hồ sơ khai báo – thông quan tại tất cả các chi cục hải quan liên kết.
- Tư vấn và chuẩn hóa hồ sơ: Tư vấn phân loại HS code, xác định mức thuế suất, chính sách ưu đãi; hướng dẫn khách hàng chuẩn hóa hồ sơ đầu vào – giảm rủi ro thuế/pháp lý.
- Thực hiện các thủ tục chuyên ngành (kiểm dịch, kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm, văn hóa, nông lâm sản...) & xin Chứng nhận xuất xứ (C/O).
- Phối hợp vận hành liên ĐVKD (cung cấp dịch vụ nội bộ cho các ĐVKD).

5.7.3. Đơn vị kinh doanh hàng Air

- Hoạt động độc lập, có đầy đủ các chức năng Sale, Pricing, Oversea, OPS, DOC, không phụ thuộc vào phòng Kinh doanh trung tâm.
- Tổ chức và vận hành toàn bộ chuỗi dịch vụ giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không, bao gồm xuất – nhập khẩu, transit, hàng đặc biệt, hàng Express.
- Tìm kiếm khách hàng & phát triển các tuyến trọng điểm: Mỹ, châu Âu, Nhật, Hàn, Trung Quốc, Đông Nam Á.
- Đàm phán, thương lượng, tạo dựng mối quan hệ bền vững với các hãng hàng không và đại lý.

- Tổ chức vận hành dịch vụ (Đặt chỗ, chuẩn bị hồ sơ vận chuyển, thanh toán cước, in vận đơn, theo dõi hành trình chuyến bay & phản hồi khách hàng; phối hợp khai báo hải quan với các ĐVKD).
- Chăm sóc khách hàng và xử lý sự cố.

5.7.4. Đơn vị kinh doanh Mekong Delta

- Là đơn vị đại diện và vận hành kinh doanh của U&I Logistics tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Hoạt động như một Đơn vị kinh doanh độc lập phục vụ các khách hàng xuất nhập khẩu, thương mại nội địa và thương mại điện tử (TMĐT) trong khu vực miền Tây Nam Bộ, với vai trò như một vệ tinh vận hành đa dịch vụ gắn kết với trụ sở trung tâm.
- Tìm kiếm, chăm sóc khách hàng tại các tỉnh ĐBSCL.
- Kết nối thương lái, doanh nghiệp nông sản, thủy sản, gia công may mặc...
- Phối hợp Phòng Phát triển Kinh doanh để mở rộng độ phủ thị trường.
- Tổ chức các dịch vụ kho, vận chuyển hàng hóa, giao nhận nội vùng, liên vùng và quốc tế. Dịch vụ FCL/LCL, oversea logistics, vận tải đa phương thức.
- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị kinh doanh để đảm bảo quy trình dịch vụ trọn gói.
- Tự xây dựng P&L, quản lý nhân sự, điều phối, vận hành văn phòng và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám Đốc (TGD) về hiệu quả tài chính - vận hành.
- Báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc.

6. Giới thiệu về quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty:

Từ khi thành lập đến nay, Công ty có quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ như sau:

[Phần còn lại của trang này được chú ý để trống]

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm/giảm đi (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
Thành lập doanh nghiệp Tháng 03 năm 2003	2.000.000.000	2.000.000.000	Góp vốn thành lập Công ty	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. HCM) cấp lần đầu ngày 19/03/2003.
Tháng 08 năm 2003	6.000.000.000	4.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. HCM) cấp lần đầu ngày 19/03/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 04/08/2003. - Biên bản họp ĐHĐCĐ số 0103/BBH-ĐHĐCĐ/U&I ngày 25/07/2003 về việc thông qua việc chào bán cổ phần cho cổ đông sáng lập để tăng vốn điều lệ. - Quyết định của ĐHĐCĐ ký ngày 25/07/2003 về việc thông qua việc chào bán cổ phần cho cổ đông sáng lập để tăng vốn điều lệ.
Tháng 05 năm 2004	8.000.000.000	2.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. HCM) cấp lần đầu ngày 19/03/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19/05/2004.

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm/giảm đi (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
				- Biên bản họp ĐHĐCĐ số 010204/BBH-ĐHĐCĐ/U&I ngày 06/05/2004 về việc chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ. - Quyết định của ĐHĐCĐ ký ngày 06/05/2004 về việc chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ.
Tháng 09 năm 2005	15.000.000.000	7.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. HCM) cấp lần đầu ngày 19/03/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 12/09/2005. - Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường số 230805/BBH-ĐHĐCĐ/U&I ngày 23/08/ 2005 về việc chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ. - Quyết định của ĐHĐCĐ số 080502/NQ-ĐHĐCĐ/U&I ký ngày 23/08/2005 về việc chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ.
Tháng 11 năm 2007	34.500.000.000	19.500.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. HCM) cấp lần đầu ngày 19/03/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05/11/2007 - Biên bản họp ĐHĐCĐ số 0107/BBH-ĐHĐCĐ-U&I ngày 10/10/2007 về việc phát hành 1.950.000 cổ phần.



Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm/giảm đi (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
				- Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 0107/NQ-ĐHĐCĐ ký ngày 10/10/2007 về việc phát hành 1.950.000 cổ phần.
Tháng 09 năm 2008	45.000.000.000	10.500.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. HCM) cấp lần đầu ngày 19/03/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 04/09/2008. - Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2008 số 0108-BB-ĐHĐCĐ/U&I ngày 24/05/2008 về việc chào bán 2.850.000 cổ phần được quyền chào bán. - Quyết định ĐHĐCĐ số 0108/NQ-ĐHĐCĐ-U&I ngày 24/05/2008 về việc chào bán 2.850.000 cổ phần được quyền chào bán. - Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường số 01-BB-HĐCĐ/80808 ngày 08/08/2008 về việc tăng vốn điều lệ lên 45 tỷ đồng. - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01.QĐ/08 ký ngày 08/08/2008 về việc tăng vốn điều lệ lên 45 tỷ đồng.
Tháng 06 năm 2009	63.000.000.000	18.000.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông mới	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. HCM) cấp lần đầu ngày 19/03/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 05/06/2009.

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm/giảm đi (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
				- Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2008 số 0108-BB-ĐHĐCĐ/U&I ngày 24/05/2008 về việc chào bán 2.850.000 cổ phần được quyền chào bán. - Quyết định ĐHĐCĐ số 0108/NQ-ĐHĐCĐ-U&I ngày 24/05/2008 về việc chào bán 2.850.000 cổ phần được quyền chào bán. - Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường số 01-BB-HĐCĐ/28052009 ngày 28/05/2009 về việc tăng vốn điều lệ lên 63 tỷ đồng. - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01.QĐ/09 ký ngày 28/05/2009 về việc tăng vốn điều lệ lên 63 tỷ đồng.
Tháng 03 năm 2012	162.000.000.000	99.000.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700492666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. HCM) cấp lần đầu ngày 19/03/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 19/03/2012. - Biên bản họp ĐHĐCĐ năm 2011 số 0107-BB-ĐHĐCĐ/U&I ngày 25/01/2011 về việc thực hiện chào bán cổ phần riêng lẻ, tăng vốn lên 162 tỷ đồng. - Quyết định ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ký ngày 25/01/2011 về việc thực hiện chào bán cổ phần riêng lẻ, tăng vốn lên 162 tỷ đồng.

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm/giảm đi (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
Tháng 05 năm 2015	215.000.000.000	53.000.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700492666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. HCM) cấp lần đầu ngày 19/03/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 12/05/2015. - Biên bản họp ĐHĐCĐ số 01-BB-ĐHĐCĐ/U&I/2015 ngày 30/03/2015 về việc thực hiện chào bán 5.300.000 cổ phần. - Quyết định ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ký ngày 30/03/2015 về việc thực hiện chào bán 5.300.000 cổ phần.
Tháng 01 năm 2019	242.000.000.000	27.000.000.000	Phát hành tăng vốn cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700492666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. HCM) cấp lần đầu ngày 19/03/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08/01/2019. - Biên bản họp ĐHĐCĐ số 0118-BB-ĐHĐCĐ/UNILOG ngày 15/01/2018 thông qua phương án tăng vốn điều lệ. - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0118/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/01/2018 thông qua phương án tăng vốn điều lệ. - Biên bản họp ĐHĐCĐ số 0718-BB-ĐHĐCĐ/2018 ngày 24/11/2018 về việc tăng vốn điều lệ lên mức 242 tỷ đồng.

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm/giảm đi (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
				- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0718/NQ-ĐHĐCĐ ký ngày 24/11/2018 về việc tăng vốn điều lệ lên mức 242 tỷ đồng.
Tháng 01 năm 2019	300.000.000.000	58.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700492666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. HCM) cấp lần đầu ngày 19/03/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 31/01/2019. - Biên bản họp ĐHĐCĐ số 0118-BB-ĐHĐCĐ/UNILOG ngày 15/01/2018 thông qua phương án tăng vốn điều lệ. - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0118/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/01/2018 thông qua phương án tăng vốn điều lệ. - Biên bản họp ĐHĐCĐ số 0718-BB-ĐHĐCĐ/UNILOG ngày 08/01/2019 về việc thông qua phương án chào bán cổ phần riêng lẻ, tăng vốn điều lệ lên mức 300 tỷ đồng. - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0718/NQ-ĐHĐCĐ ký ngày 08/01/2019 về việc thông qua phương án chào bán cổ phần riêng lẻ, tăng vốn điều lệ lên mức 300 tỷ đồng.
Tháng 06 năm 2022	600.000.000.000	300.000.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700492666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. HCM) cấp lần đầu ngày 19/03/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 30/06/2022.



Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm/giảm đi (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
				- Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2022 số 01.22/BB-ĐHĐCĐ ngày 01/06/2022 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021. - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01.22/NQ-ĐHĐCĐ ký ngày 01/06/2022 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021. - Biên bản họp Hội đồng quản trị số 04.22/BB-HĐQT ngày 22/06/2022 về việc triển khai phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021. - Nghị quyết HĐQT số 04.22/NQ-HĐQT ký ngày 22/06/2022 về việc triển khai phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021.
Tháng 03 năm 2024	720.000.000.000	120.000.000.000	Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu và thưởng cổ phiếu cho cán bộ nhân viên	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700492666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. HCM) cấp lần đầu ngày 19/03/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 29/03/2024. - Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 02/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 01/03/2024 về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 720 tỷ bằng hình thức phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phần thưởng cho cán bộ quản lý của Công ty.

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm/giảm đi (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
				- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ký ngày 01/03/2024 về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 720 tỷ bằng hình thức phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phần thưởng cho cán bộ quản lý của Công ty. - Biên bản họp Hội đồng quản trị số 02/2024/BB-HĐQT ngày 15/03/2024 về việc triển khai phát hành cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. - Nghị quyết HĐQT số 02/2024/NQ-HĐQT ký ngày 15/03/2024 về việc triển khai phát hành cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
Vốn điều lệ đã góp tại thời điểm hiện tại: 720.000.000.000 VND				

Nguồn: CTCP Logistics U&I

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

Liên quan đến các đợt tăng vốn nêu trên, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C (“**Công Ty Kiểm Toán A&C**”) đã kiểm toán Báo cáo về vốn điều lệ đã góp từ ngày thành lập (ngày 19 tháng 3 năm 2003) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty số 1.1371/25/TC-AC ký ngày 22/08/2025. Theo đó, phía Công Ty Kiểm Toán A&C đã đưa ý kiến cụ thể như sau:

“Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo về vốn điều lệ đã góp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu về vốn điều lệ đã góp từ ngày thành lập (ngày 19 tháng 3 năm 2003) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty Cổ phần Logistics U&I, phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như mô tả tại thuyết minh số 4 của Bản thuyết minh Báo cáo về vốn điều lệ đã góp.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo về vốn điều lệ đã góp đến:

- *Mục số 6.2.7 và 6.2.8 trong Bản thuyết minh Báo cáo về vốn điều lệ đã góp về việc góp vốn của các cổ đông. Theo đó, Interwood Limited và các cổ đông góp vốn sau ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là chưa tuân thủ quy định tại khoản 3, Điều 24 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005.*
- *Phụ lục 8 thuộc mục số 6.2.7 trong Bản thuyết minh Báo cáo về vốn điều lệ đã góp về hình thức nhận vốn góp. Interwood Limited (cổ đông nước ngoài) góp vốn ban đầu bằng tiền mặt với số tiền 26.685.740.146 VND là chưa tuân thủ quy định tại khoản 1, Điều 14 Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005. Interwood Limited và Công ty đã khắc phục bằng việc Interwood Limited chuyển góp vốn lại bằng chuyển khoản vào tài khoản của Công ty và Công ty chuyển hoàn trả lại tiền mặt cho Interwood Limited.”*

Liên quan đến 02 vấn đề nhấn mạnh nêu trên, Công ty đánh giá các ý kiến này không ảnh hưởng đến vốn điều lệ đã góp của Công ty.

Công ty giải trình về 02 vấn đề nhấn mạnh nêu trên (đã được Công Ty Kiểm Toán A&C xác nhận tại văn bản số 15/2025/CV-UNIOLOG ký ngày 28/08/2025) cụ thể như sau:

1. Về ý kiến nhấn mạnh thứ nhất, liên quan đến việc Interwood Limited và các cổ đông góp vốn sau ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (tại đợt tăng vốn điều lệ lần thứ 7, tăng vốn lên 162 tỷ đồng và đợt tăng vốn điều lệ lần thứ 8 tăng vốn lên 215 tỷ):

Tại thời điểm thực hiện tăng vốn, do Công ty chưa nắm được quy định liên quan đến việc góp vốn và đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại thời điểm đó nên dẫn đến việc một số cổ đông đã góp vốn sau khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cổ đông của Công ty đã nộp đầy đủ số tiền phải góp cho Công ty. Do vậy, Công ty đánh giá việc góp vốn sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không ảnh hưởng đến vốn điều lệ thực góp của Công ty.
2. Về ý kiến nhấn mạnh thứ hai, liên quan đến việc cổ đông là Interwood Limited (cổ đông nước ngoài) góp vốn ban đầu bằng tiền mặt (tại đợt tăng vốn điều lệ lần thứ 7 tăng vốn lên 162 tỷ đồng):

Tại thời điểm chào bán cổ phần, do Công ty và cổ đông không nắm rõ quy định tại Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ nên đã cho phép cổ đông là Interwood Limited nộp tiền mặt để mua cổ phần trong thời gian từ ngày 03/01/2012 đến ngày 19/03/2012 với tổng số tiền là 26.685.740.146 đồng.

Sau khi phát hiện sai sót nêu trên, cổ đông là Interwood Limited đã chuyển tiền góp vốn lại cho Công ty bằng hình thức chuyển khoản và Công ty hoàn trả lại số tiền đã góp tương ứng cho Interwood Limited bằng hình thức tiền mặt trong thời gian từ ngày 15/04/2013 đến ngày 20/05/2015 (chi tiết việc góp vốn/chuyển trả đã được trình bày tại Phụ lục 8.1 đính kèm theo Báo cáo về vốn điều lệ đã góp số 1.1371/25/TC-AC ký ngày 22/08/2025)

Như vậy, mặc dù Interwood Limited đã nộp tiền mua cổ phiếu Công ty không đúng hình thức theo quy định nhưng Interwood Limited đã nộp lại tiền mua theo đúng quy định và cổ đông này đã nộp đủ tiền mua cổ phiếu của Công ty. Đồng thời, tính đến thời điểm hiện nay, cổ đông là Interwood Limited đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Interwood Limited cho các cổ đông khác và không còn là cổ đông của Công ty.

Ngoài ra, trong thời gian nắm giữ cổ phiếu Công ty tới thời điểm hiện nay, Công ty không nhận được bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến việc góp vốn của Interwood Limited từ các cổ đông khác hay các bên thứ ba.

Đồng thời, liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên, ngày 28/02/2025, Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đã lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư số 58/BB-VPHC ký ngày 28/02/2025 và Quyết định xử phạt hành chính số 60/QĐ-XPHC ký ngày 28/02/2025 đối với các lỗi vi phạm của Công ty liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.

Trên cơ sở Quyết định vi phạm hành chính nêu trên, Công ty đã nộp tiền phạt theo đúng quy định.

7. Cơ cấu cổ đông; Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

7.1. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 12/06/2026 cụ thể như sau:

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 12/06/2026

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Trong nước	129	72.000.000	100,00%
1.1	Nhà nước	0	0	0,00%
1.2	Tổ chức	1	21.115.812	29,33%
1.3	Cá nhân	128	50.884.188	70,67%

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
2	Nước ngoài	0	0	0,00%
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0,00%
2.2	Cá nhân	0	0	0,00%
	Tổng cộng	129	72.000.000	100,00%
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác			
1	Cổ đông lớn	3	34.167.718	47,46%
2	Cổ đông khác	126	37.832.282	52,54%
	Tổng cộng	129	72.000.000	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của U&I Logistics tại ngày 12/06/2026

7.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) / VDL thực góp
1	Công ty Cổ phần Đầu tư U&I	Số 158, đường Ngô Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	21.115.812	29,33%
2	Võ Đình Ngọc	Số 108/5A, đường 30/4, Tổ 10, Khu 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh	5.051.906	7,02%
3	Nguyễn Thanh Tâm	189B2 Nguyễn Văn Hưởng, Khu phố 13, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh	8.000.000	11,11%
	Tổng cộng		34.167.718	47,46%

Nguồn: Danh sách cổ đông của U&I Logistics tại ngày 12/06/2026

7.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty Cổ phần Logistics U&I được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 19/03/2003, do đó, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Hoạt động kinh doanh của Công ty

U&I Logistics là công ty đầu tiên trong nhóm các Công ty U&I (Unigroup), chuyên hoạt động trong lĩnh vực logistics được điều hành bởi những doanh nhân Việt Nam giàu kinh nghiệm, U&I Logistics luôn tự hào là một trong những công ty hàng đầu tại Việt Nam chuyên cung cấp các dịch vụ Đại lý khai thuê hải quan, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, kho hàng hóa, vận tải nội địa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, ven biển và đường sắt. Để tồn tại và phát triển, U&I Logistics phải luôn tự hoàn thiện mình để cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tin cậy nhất.

8.1.1. Dịch vụ Đại lý thủ tục hải quan

Công ty Cổ phần Logistics U&I là một trong những công ty tiên phong trong lĩnh vực Đại lý thủ tục hải quan tại Việt Nam, được vận hành bởi đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, am hiểu pháp luật, giỏi về nghiệp vụ và thực hiện được nhiều loại hình khai báo và thủ tục thông quan hải quan cho mọi loại hàng hóa, mọi kích cỡ, trọng lượng với mọi phương tiện vận chuyển.



Không chỉ cung cấp các giải pháp logistics chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý, U&I Logistics còn thể hiện sự chuyên nghiệp thông qua thời gian xử lý lượng lớn các tờ khai một cách nhanh chóng với độ chính xác cao.

Các dịch vụ Đại lý thủ tục hải quan gồm:

- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ giao nhận;
- Xin cấp C/O;
- Tư vấn thuế;
- Lập báo cáo quyết toán cho loại hình sản xuất xuất khẩu & gia công.

Trải qua hơn 23 năm thành lập và hoạt động, U&I Logistics đã đạt được khách hàng ghi nhận thông qua các số liệu như sau:

- ❖ **150⁺** khách hàng
- ❖ **20⁺** năm kinh nghiệm
- ❖ **100.000** tờ khai/năm
- ❖ **200.000** TEUs¹ hàng hóa/năm

¹ TEU là viết tắt của từ tiếng Anh: Twenty-foot Equivalent Unit, là đơn vị đo lường tương đương 1 container 20 feet tiêu chuẩn

8.1.2. Dịch vụ Kho vận và phân phối hàng hóa

Công ty Cổ phần Logistics U&I là đơn vị phát triển dịch vụ Kho vận và Phân phối hàng hóa đáng tin cậy tại Việt Nam nhờ sở hữu hệ thống kho ngoại quan lớn được đầu tư bài bản, với các trang thiết bị vận hành kho hiện đại. Tổng diện tích sàn kho hơn 242.000 m² (tương đương 2.600.000 ft²) và với sức chứa hơn 2.000.000 m³.



Các dịch vụ kho vận và phân phối hàng hóa bao gồm:

- Kho ngoại quan;
- Trung tâm phân phối hàng hóa tiêu dùng;
- Kho thương mại điện tử;
- Quản lý hàng tồn kho;
- Xử lý chứng từ;
- Quản lý đơn hàng;
- Các dịch vụ đi kèm (đóng hàng vào pallet, đóng gói/đóng gói lại, phân loại hàng hoá, in nhãn/dán nhãn, phân phối, barcode và các giải pháp hỗ trợ, ...)

Hệ thống kho vận U&I Logistics được trang bị cơ sở hạ tầng hiện đại, công nghệ đạt như:

- ❖ Phần mềm quản lý kho hiện đại (*WMS - Warehouse Management System*);
- ❖ Hệ thống kiểm soát côn trùng;
- ❖ Chứng nhận tuân thủ C-TPAT (*Customs Trade Partnership Against Terrorism*);
- ❖ Quản lý hàng hóa bằng barcode;
- ❖ Chứng nhận chất lượng ISO 9001:2015 (Hệ thống quản lý chất lượng);
- ❖ Hệ thống kiểm soát độ ẩm.



Nhờ đó, U&I Logistics đã nhận được sự tin cậy từ nhiều đối tác chiến lược uy tín như Saigon Co.op và Trancy Logistics và tự tin cung cấp những giải pháp thiết thực đáp ứng các yêu cầu của từng khách hàng.

Một số đặc điểm nổi bật về Dịch vụ Kho vận và phân phối hàng hóa của U&I Logistics cụ thể như sau:

- ❖ **TOP 1** kho ngoại quan lớn nhất Đông Nam Á

- ❖ **2.000.000 m³** sức chứa hàng hóa
- ❖ **242.000 m²** diện tích sân kho
- ❖ **2.000⁺** đơn hàng mỗi ngày
- ❖ **34.000⁺** SKUs mỗi ngày
- ❖ Duy trì độ ẩm dưới **65%**
- ❖ Đảm bảo **1.000 ngày** không mốc đối với hàng hóa trong kho.

8.1.3. Dịch vụ Vận tải – Vận tải hàng hóa nội địa

Trực tiếp sở hữu hơn 30 xe đầu kéo container được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và hơn 100 rơ moóc hợp chuẩn, cùng năng lực huy động thêm hơn 100 xe đầu kéo container và 200 rơ moóc từ các vendor, U&I Logistics cung cấp giải pháp vận tải đường bộ kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm cả nước.

U&I Logistics ứng dụng công nghệ vào vận hành giúp xác định chính xác vị trí đầu kéo, rơ moóc, tiết kiệm tối đa thời gian và chi phí vận chuyển cho khách hàng. Nổi bật là hệ thống theo dõi hành trình hàng hóa theo công nghệ GPS, phần mềm quản lý vận tải (TMS) cùng app mobile dành cho tài xế. Nhờ đó, U&I Logistics đã vận tải thành công 30.000 TEUs/tháng.

Các dịch vụ vận tải hàng hóa nội địa gồm:

- Vận chuyển đường bộ bằng container;
- Vận chuyển đường thủy nội địa;
- Vận chuyển đường biển ven bờ;
- Vận chuyển đường sắt.



8.1.4. Dịch vụ Vận tải đường biển và Hàng không quốc tế

U&I Logistics cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ vận tải quốc tế từ Việt Nam đi/đến các quốc gia khắp thế giới. U&I Logistics đề cao tính chuẩn xác về thời gian vận chuyển và nỗ lực cung cấp các tuyến dịch vụ đa dạng, kết nối với tất cả cửa ngõ chính.

Nhờ vào liên minh mạng lưới giao nhận hàng hóa rộng lớn (IATA – International Air Transport Association, FIATA – International Federation of Freight Forwarders Association, FNC – Freight Network Corporation, JC Trans – JCtrans Logistics Network, CrissCrossConneX, 3F ...) của Công ty, hàng hóa dễ dàng được vận chuyển rộng khắp toàn cầu. Cùng đội ngũ nhân sự hàng đầu, có am hiểu sâu rộng về các quy định Hải quan, đã được sự tin tưởng của khách hàng về công tác thực hiện thủ tục thông quan tại các cửa khẩu vận chuyển.



Các dịch vụ cước quốc tế đường biển và hàng không bao gồm:

- Dịch vụ vận chuyển đường hàng không;
- Dịch vụ vận chuyển đường biển;
- Dịch vụ gom hàng lẻ;
- Dịch vụ chuyển phát nhanh;
- Vận tải đa phương thức;
- Dịch vụ hàng dự án;
- Khai thác hàng từ Cảng đến Cảng;
- Giao/nhận hàng door to door;
- Giao nhận hàng hóa xuyên biên giới.

Để làm rõ, mặc dù hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm 04 mảng kinh doanh nêu trên, tuy nhiên, do đặc thù trong ngành, các số liệu liên quan đến các mảng kinh doanh chính sẽ được ghi nhận trong báo cáo tài chính của Công ty cụ thể như sau:

- Đối với các mảng kinh doanh (1) Dịch vụ đại lý thủ tục hải quan, (2) Dịch vụ vận tải - vận tải hàng hóa nội địa và (3) Dịch vụ vận tải đường biển và hàng không sẽ được ghi nhận tương ứng là “Cung cấp dịch vụ cước và đại lý giao nhận”.
- Đối với mảng kinh doanh Dịch vụ kho vận và phân phối hàng hóa sẽ được ghi nhận tương ứng là “Cung cấp dịch vụ cho thuê kho và vận hành kho”.

Chi tiết về kết quả hoạt động kinh doanh của các mảng kinh doanh của Công ty sẽ được trình bày tại các nội dung tiếp theo.

8.2. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty giai đoạn 2024 – Q1/2026

U&I Logistics là một trong những thương hiệu logistics tư nhân hàng đầu Việt Nam, sở hữu hơn 30 xe đầu kéo container được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, hơn 100 rơ moóc hợp chuẩn, cùng năng lực huy động thêm hơn 100 xe đầu kéo container và 200 rơ moóc từ các vendor và mạng lưới đối tác vận tải, quy mô đáp ứng hơn 30.000 TEUs/tháng.

Hơn nữa, U&I Logistics là đối tác của hơn 20 hãng tàu có các tuyến Nội Á và xuyên đại dương, 16 hãng hàng không lớn trong và ngoài nước, phục vụ hàng chục ngàn container nhập – xuất hàng năm.

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2024		Năm 2025		% tăng giảm 2025/2024	Quý 1/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Bán hàng hóa	8,98	0,68%	-	0%	-100%	-	0%

STT	Khoản mục	Năm 2024		Năm 2025		% tăng giảm 2025/2024	Quý 1/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
2	Cung cấp dịch vụ cước và đại lý giao nhận	976,94	74,49%	873,34	75,06%	-10,60%	150,88	73,74%
3	Cung cấp dịch vụ cho thuê kho và vận hành kho	318,54	24,29%	282,38	24,27%	-11,35%	50,74	24,79%
4	Cung cấp dịch vụ khác	7,09	0,54%	7,8	0,67%	10,01%	3,01	1,47%
Tổng doanh thu thuần		1.311,54	100%	1.163,52	100%	-11%	204,62	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1/2026 của U&I Logistics

Ghi chú: Để làm rõ, khoản mục “Cung cấp dịch vụ cước và đại lý giao nhận” tương ứng mảng (1) Dịch vụ đại lý thủ tục hải quan, (2) Dịch vụ vận tải - vận tải hàng hóa nội địa và (3) Dịch vụ vận tải đường biển và hàng không; khoản mục “Cung cấp dịch vụ cho thuê kho và vận hành kho” tương ứng mảng Dịch vụ kho vận và phân phối hàng hóa.

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2024		Năm 2025		% tăng giảm 2025/2024	Quý 1/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Bán hàng hóa	8,98	1,29%	-	-	-	-	-
2	Cung cấp dịch vụ cước và đại lý giao nhận	446,83	64,21%	420,07	64,45%	-5,99%	96,57	68,35%
3	Cung cấp dịch vụ cho thuê kho và vận hành kho	232,99	33,48%	223,88	34,35%	-3,91%	42,36	29,98%
4	Cung cấp dịch vụ khác	7,09	1,02%	7,8	1,20%	10,01%	2,36	1,67%
Tổng doanh thu thuần		695,89	100%	651,75	100%	-6,34%	141,29	100%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1/2026 của U&I Logistics

8.3. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty giai đoạn 2024 – Q1/2026

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2024		Năm 2025		% tăng giảm 2025/2024	Quý 1/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Bán hàng hóa	0,55	0,26%	0	0%	-100%	0	0%
2	Cung cấp dịch vụ cước và đại lý giao nhận	92,05	44,29%	89,66	42,16%	-2,60%	15,27	43,66%
3	Cung cấp dịch vụ cho thuê kho và vận hành kho	110,93	53,37%	117,84	55,41%	6,23%	20,81	59,50%
4	Cung cấp dịch vụ khác	4,31	2,07%	5,16	2,43%	19,72%	-1,11	-3,16%
Tổng lợi nhuận gộp		207,84	100%	212,67	100%	2,32%	34,97	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1/2026 của U&I Logistics

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2024		Năm 2025		% tăng giảm 2025/2024	Quý 1/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Bán hàng hóa	0,55	0,53%	-	-	-	-	-
2	Cung cấp dịch vụ cước và đại lý giao nhận	12,63	12,15%	17,19	13,74%	36,10%	4,35	18,48%
3	Cung cấp dịch vụ cho thuê kho và vận hành kho	86,45	83,17%	102,78	82,13%	18,89%	17,46	74,19%
4	Cung cấp dịch vụ khác	4,31	4,15%	5,16	4,13%	19,72%	1,73	7,33%
Tổng lợi nhuận gộp		103,94	100%	125,13	100%	20,39%	23,54	100%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1/2026 của U&I Logistics

8.4. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2024 – Q1/2026

Bảng 7: Cơ cấu chi phí SXKD của Công ty giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2024		Năm 2025		% tăng giảm 2025/2024	Quý 1/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn hàng bán	1.103,70	86,93%	950,85	85,53%	-13,85%	169,65	87,81%
2	Chi phí tài chính	10,65	0,84%	5,95	0,53%	-44,13%	2,22	1,15%
3	Chi phí bán hàng	36,23	2,85%	34,19	3,08%	-5,63%	1,56	0,81%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	87,30	6,88%	91,33	8,22%	4,62%	16,22	8,40%
5	Chi phí khác	2,97	0,23%	3,39	0,31%	14,14%	0,07	0,04%
6	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28,78	2,27%	26,00	2,34%	-9,66%	3,48	1,80%
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	0,01	0,00%	-0,03	0,00%	-400,00%	0,00	0,00%
Tổng chi phí		1.269,64	100%	1.111,69	100%	-12,44%	193,21	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1/2026 của U&I Logistics

Bảng 8: Cơ cấu giá vốn hàng bán của Công ty giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2024		Năm 2025		% tăng giảm 2025/2024	Quý 1/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn hàng hóa đã bán	8,43	0,76%	-	-	-	-	0,00%
2	Giá vốn cung cấp dịch vụ cước và đại lý giao nhận	884,88	80,17%	783,67	82,42%	-11,44%	135,61	79,93%

STT	Khoản mục	Năm 2024		Năm 2025		% tăng giảm 2025/2024	Quý 1/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
3	Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê kho và vận hành kho	207,61	18,81%	164,54	17,30%	-20,75%	29,93	17,64%
4	Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	2,78	0,25%	2,63	0,28%	-5,25%	4,11	2,42%
Tổng giá vốn hàng bán		1.103,70	100%	950,85	100%	-13,85%	169,65	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1/2026 của U&I Logistics

Bảng 9: Cơ cấu chi phí SXKD của Công ty giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2024		Năm 2025		% tăng giảm 2025/2024	Quý 1/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn hàng bán	591,95	88,29%	526,61	86,81%	-11,04%	117,75	88,32%
2	Chi phí tài chính	7,92	1,18%	3,14	0,52%	-60,35%	1,74	1,30%
3	Chi phí bán hàng	-	0,00%	-	0,00%	-	-	0,00%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	50,61	7,55%	55,15	9,09%	8,97%	11,63	8,72%
5	Chi phí khác	0,46	0,07%	2,03	0,33%	341,30%	0,01	0,01%
6	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19,51	2,91%	19,69	3,25%	0,92%	2,19	1,64%
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	0,00%	-	0,00%	-	-	0,00%
Tổng chi phí		670,44	100%	606,61	100%	-9,52%	133,32	100%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1/2026 của U&I Logistics

Bảng 10: Cơ cấu giá vốn hàng bán của Công ty giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2024		Năm 2025		% tăng giảm 2025/2024	Quý 1/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn hàng hóa đã bán	8,43	1,42%	-	-	-	-	-
2	Giá vốn cung cấp dịch vụ cước và đại lý giao nhận	434,20	73,35%	402,88	76,50%	-7,21%	92,22	78,32%
3	Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê kho và vận hành kho	146,54	24,76%	121,11	23,00%	-17,36%	24,89	21,14%
4	Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	2,78	0,47%	2,63	0,50%	-5,25%	0,64	0,54%
Tổng giá vốn hàng bán		591,95	100%	526,61	100%	-11,04%	117,75	100%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1/2026 của U&I Logistics

8.5. Nhân hiệu thương mại

Nhãn hiệu thương mại (logo):



Công ty sử dụng Logo đã được đăng ký nhãn hiệu hàng hóa do Cục Sở hữu Trí tuệ, Bộ Khoa học – Công nghệ cấp. Biểu tượng (logo) đồng thời là nhãn hiệu thương mại của Công ty.

Thương hiệu U&I là tài sản cố định vô hình mà Công ty đã chú trọng và tập trung vào việc xây dựng hình ảnh của công ty như là một đối tác đáng tin cậy và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cũng như triển khai các biện pháp xanh bảo vệ môi trường liên tục trong hơn 23 năm hình thành và phát triển.

[Phần còn lại của trang này được chú ý để trống]

9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2024 – Q1/2026

Bảng 11: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm 2025/2024	Quý 1/2026
1	Tổng giá trị tài sản	1.108,75	1.133,27	2,21%	1.069,11
2	Vốn chủ sở hữu	778,62	822,51	5,64%	835,43
3	Doanh thu thuần	1.311,54	1.163,52	-11,29%	204,62
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	80,69	87,44	8,37%	16,24
5	Thu nhập khác	4,52	5,16	14,16%	0,23
6	Lợi nhuận trước thuế	82,24	89,21	8,48%	16,40
7	Lợi nhuận sau thuế	53,45	63,24	18,32%	12,92
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	618	700	13,27%	174

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1/2026 của U&I Logistics

Bảng 12: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm 2025/2024	Quý 1/2026
1	Tổng giá trị tài sản	964,38	1.086,88	12,70%	1.046,32
2	Vốn chủ sở hữu	781,66	880,14	12,60%	888,98
3	Doanh thu thuần	695,89	651,75	-6,34%	141,29
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	55,30	125,89	127,65%	11,03
5	Thu nhập khác	1,24	0,52	-58,06%	0,01
6	Lợi nhuận trước thuế	56,09	124,38	121,75%	11,03
7	Lợi nhuận sau thuế	36,57	104,70	186,30%	8,84
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	695	700	0,72%	-

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1/2026 của U&I Logistics

Năm 2025, U&I Logistics đạt doanh thu thuần hợp nhất 1.163,52 tỷ đồng, giảm so với mức 1.311,54 tỷ đồng của năm 2024. Mặc dù doanh thu giảm, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh vẫn đạt 87,44 tỷ đồng, tăng so với 80,69 tỷ đồng năm trước, chiếm khoảng 7,52% doanh thu. Đây là mức cải thiện đáng kể so với năm 2024, cho thấy Công ty đã kiểm soát tốt chi phí vận hành và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động trong bối cảnh thị trường logistics có nhiều biến động. Sau khi cộng thu nhập khác (5,16 tỷ đồng) và trừ đi các chi phí liên quan, Công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế 89,21 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 63,24 tỷ đồng, tăng đến 18,31% so với mức 53,45 tỷ đồng của năm 2024.

Đối với hoạt động kinh doanh riêng lẻ, trong năm 2025, doanh thu thuần của Công ty đạt 651,75 tỷ đồng, giảm 6,34% so với năm 2024, nguyên nhân của việc doanh thu sụt giảm là do Công ty chủ động cắt giảm doanh thu của một số khách hàng không hiệu quả, có biên lợi nhuận gộp thấp. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty ghi nhận đạt 125,89 tỷ đồng, tăng 127,65% so với năm 2024. Nguyên nhân dẫn đến việc lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng vượt trội là do (1) Công ty đã kiểm soát tốt chi phí đầu vào, giá vốn cũng như chủ động cắt giảm doanh thu của một số khách hàng có biên lợi nhuận gộp thấp, và (2) chi phí tài chính của Công ty giảm từ 7,9 tỷ vào năm 2024 còn 3,1 tỷ vào năm 2025 và không còn ghi nhận dự phòng tổn thất đầu tư tương tự năm 2024 (*liên quan đến khoản đầu tư vào cảng An Thới*).

Tổng tài sản hợp nhất năm 2025 của Công ty đạt 1.133,27 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2024. Trong đó, vốn chủ sở hữu đạt 822,51 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khoảng 72,6% tổng tài sản. Việc duy trì tỷ lệ vốn chủ sở hữu cao cho thấy U&I Logistics tiếp tục giữ được cơ cấu tài chính lành mạnh, ít phụ thuộc vào nợ vay và giảm thiểu rủi ro tài chính. U&I Logistics đã có một năm 2025 đầy thách thức về doanh thu nhưng vẫn đạt được kết quả kinh doanh tích cực và duy trì được tăng trưởng lợi nhuận. Công ty đã kiểm soát tốt chi phí, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và duy trì được cấu trúc tài chính vững chắc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Trong Quý 1/2026, U&I Logistics ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 204,62 tỷ đồng, giảm 28,09% so với Quý 1/2025. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 16,24 tỷ đồng, giảm 38,79% so với cùng kỳ; biên lợi nhuận hoạt động đạt khoảng 7,94%, cho thấy hiệu quả hoạt động vẫn được duy trì ở mức dương mặc dù doanh thu suy giảm. Về tình hình tài chính, tại cuối Quý 1/2026, tổng tài sản hợp nhất của Công ty đạt 1.069,11 tỷ đồng, giảm 64,15 tỷ đồng, tương ứng 5,66% so với đầu năm. Biến động này chủ yếu đến từ tài sản ngắn hạn, khi khoản mục này giảm 202,55 tỷ đồng xuống còn 367,07 tỷ đồng. Trong khi đó, vốn chủ sở hữu đạt 835,43 tỷ đồng, tăng 1,57% so với đầu năm và Tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn cải thiện từ 72,58% lên 78,14%.

10. Vị thế của công ty trong ngành

10.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Hơn 23 năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành logistics, U&I Logistics đã và đang khẳng định vị thế của mình trên thị trường logistics của tỉnh Bình Dương (cũ) nói riêng và toàn khu vực phía Nam nói chung. U&I Logistics là một trong những Công ty hàng đầu tại Việt Nam chuyên cung cấp dịch vụ logistics như: đại lý thủ tục hải quan, kho vận, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, vận tải đa phương tiện, cước đường biển và đường hàng không quốc tế.

Hiện nay với đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản, am hiểu pháp luật và giỏi về nghiệp vụ, có trình độ học vấn cao kết hợp cùng ứng dụng khai báo điện tử và công nghệ thông tin vào quản lý đã làm tăng năng suất hoạt động của Công ty một cách mạnh mẽ. U&I Logistics tập trung phát triển dựa trên các thế mạnh cạnh tranh sau:

❖ Nguồn nhân lực và kinh nghiệm

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của U&I Logistics là những chuyên gia giàu kinh nghiệm thực tế với vai trò là nhà sản xuất, kinh doanh, tư vấn và nhận thức được những điểm mạnh, điểm yếu trong tổ chức, quản lý và phát triển doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh Việt Nam hiện nay. Đồng hành cùng đội ngũ đồng nghiệp đến từ nhiều nền kinh tế phát triển như Mỹ, Nhật, Anh, Pháp, Hàn Quốc và Trung Quốc. Hơn hết, U&I Logistics



am hiểu tường tận về đặc điểm văn hóa, luật pháp, tập quán kinh doanh trong nước và trên thế giới. Trên cơ sở đó, chúng tôi hiểu và sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu hợp lý từ khách hàng.

Có 300 nhân viên đã được đào tạo bài bản và có kinh nghiệm trong lĩnh vực riêng của mình. Vì vậy, U&I Logistics tin tưởng rằng Công ty có thể cung cấp cho khách hàng những dịch vụ chuyên nghiệp với chất lượng cao nhất.

❖ Am hiểu và áp dụng luật

Là một trong những Công ty đầu tiên tại Việt Nam cung cấp dịch vụ đại lý thủ tục hải quan, giao nhận hàng hóa và các dịch vụ tư vấn khác có liên quan. Chúng tôi đã tạo dựng được uy tín đối với các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương cũng như với các đối tác.

U&I Logistics đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật, kiến thức chuyên môn sâu cùng với sự am hiểu sâu rộng về pháp luật, các quy định về sản phẩm, thuế, thủ tục hải quan,... U&I Logistics luôn đưa ra những ý kiến pháp lý tốt nhất để hỗ trợ khách hàng thông quan hàng hóa dễ dàng và nhanh chóng hơn, được ưu đãi về thuế quan, thuế địa phương (VAT, thuế tiêu thụ đặc biệt,...); tiến hành các thủ tục xin giấy phép hợp pháp như giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, kiểm soát đủ điều kiện của nhà nước,...

U&I Logistics không chỉ am hiểu pháp luật Việt Nam mà còn nhận thức và áp dụng hiệu quả các thông lệ và luật thương mại quốc tế, từ đó hỗ trợ và cung cấp cho khách hàng các dịch vụ đại lý thủ tục hải quan, vận tải và giao nhận hàng hóa một cách hiệu quả và nhanh chóng với giá thấp nhất.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

❖ Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị

Sở hữu những lô đất lớn, vị trí đẹp, giao thông thuận tiện, có đầy đủ điều kiện để trở thành trung tâm phân phối logistics theo nhu cầu của khách hàng tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố lớn khác.

Cơ sở hạ tầng bao gồm văn phòng, kho bãi, trung tâm hậu cần và phân phối được đầu tư xây dựng bài bản, hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Cùng với các thiết bị vận hành kho hiện đại, bảo vệ môi trường và các phần mềm chuyên dụng cho ngành logistics.

Vì vậy, U&I Logistics hoàn toàn đáp ứng được những yêu cầu khắt khe nhất cho cả khách hàng trong nước và quốc tế.



U&I Logistics sở hữu một lượng lớn phương tiện đường bộ đạt tiêu chuẩn, cùng với khả năng huy động vận chuyển của các đối tác, được trang bị GPS, cùng với phần mềm quản lý hành trình nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả trong quá trình vận chuyển hàng hóa đi bất cứ đâu.

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Triển vọng của ngành logistics Việt Nam trong năm 2026 và những năm tiếp theo được đánh giá rất tích cực, với dự báo duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định từ 14–16%/năm và đóng góp khoảng 4,5–5% vào GDP. Việt Nam hiện là một trong những thị trường logistics mới nổi hấp dẫn nhất toàn cầu, xếp thứ 43/139 về Chỉ số hiệu quả logistics (LPI) nhờ những yếu tố then chốt cụ thể dưới đây:

- Đột phá hạ tầng giao thông: Sân bay quốc tế Long Thành (giai đoạn 1) dự kiến vận hành từ nửa cuối năm 2026, cùng với mục tiêu hoàn thiện 5.000 km đường cao tốc vào năm 2030 và mở rộng các cụm cảng nước sâu đón tàu siêu trọng.
- Dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu: Việt Nam hưởng lợi lớn từ xu hướng "Trung Quốc +1" và các hiệp định FTA, đặc biệt là lợi thế thuế quan vào Mỹ thấp nhất khu vực, giúp thu hút dòng vốn FDI bền vững vào sản xuất.
- Sự bùng nổ của Thương mại điện tử (TMĐT): Quy mô thị trường TMĐT dự báo đạt 35 tỷ USD vào năm 2026. Thói quen mua sắm trực tuyến hàng tuần của người dân và sự phát triển của TMĐT xuyên biên giới tạo nhu cầu khổng lồ cho kho vận thông minh và giao hàng chặng cuối.
- Cải cách thể chế và không gian kinh tế: Việc hình thành các khu vực thương mại tự do tại Đà Nẵng, Hải Phòng và sáp nhập các đơn vị hành chính giúp tái cấu trúc mạng lưới logistics liên vùng, giảm chi phí vận hành.
- Số hóa và Chuyển đổi Xanh: Ứng dụng AI, Blockchain và hệ thống Cảng điện tử (e-Port) giúp tối ưu hóa vận hành. Đồng thời, các quy định như CBAM (từ 1/1/2026) buộc doanh nghiệp xanh hóa để duy trì năng lực xuất khẩu.
- Cải thiện biên lợi nhuận: Lộ trình tăng giá dịch vụ xếp dỡ tại các cảng nước sâu thêm khoảng 10-15% từ tháng 2/2026 sẽ trực tiếp hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp cảng biển.

Nhìn chung, dù còn nhiều thách thức nhưng với những động lực tăng trưởng trên, ngành logistics Việt Nam năm 2026 được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ và hứa hẹn sẽ tiếp tục khẳng định vị thế và vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc gia.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng người lao động trong công ty

Bảng 13: Cơ cấu người lao động của Công ty tại ngày 31/12/2025 (Hợp nhất)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
I	Theo trình độ	448	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	249	55,58%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	54	12,05%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	16	3,57%
4	Lao động phổ thông	74	16,52%
II	Theo tính chất hợp đồng	448	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	14	3,1%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	176	39,29%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	258	57,59%

Nguồn: CTCP Logistics U&I

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

11.2.1. Chế độ làm việc

❖ Thời gian làm việc:

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1 giờ. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

❖ Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm, thai sản:

Nhân viên được nghỉ theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội.

❖ Điều kiện làm việc:

Văn phòng làm việc, nhà kho khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Nhân viên được cung cấp, trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động khi tham gia sản xuất, kiểm định thiết bị và đào tạo, hướng dẫn cẩn thận trước khi cho phép vận hành; định kỳ tổ chức khám sức khỏe và tư vấn sức khỏe cho toàn thể CBCNV; tổ chức các buổi đào tạo về an toàn kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh.

❖ **Quyền tự do, bình đẳng:**

Tất cả nhân viên có hợp đồng làm việc toàn thời gian với Công ty đều có quyền tham gia vào các chương trình bảo hiểm y tế, công đoàn và các quyền lợi khác như đã nêu trong Thỏa ước lao động tập thể. Bình đẳng giới tính luôn được tôn trọng và hiện diện trong tất cả các hoạt động của Công ty.

11.2.2. Chính sách tuyển dụng

❖ **Tuyển dụng:**

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

❖ **Chính sách thu hút nhân tài:**

Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

❖ **Đào tạo:**

Các chương trình đào tạo của Công ty chú trọng vào nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên về an toàn lao động, ISO, ...từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra.

11.2.3. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

❖ **Chính sách lương:**

Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người.

Trong 03 năm vừa qua Công ty đã thực hiện chi trả mức lương trung bình cho cán bộ nhân viên như sau:

	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	16,1	16,9	17,4

❖ **Chính sách thưởng:**

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có thành tích nổi bật.

❖ **Bảo hiểm và phúc lợi:**

U&I Logistics cung cấp bảo hiểm y tế cho tất cả nhân viên; tổ chức phục vụ bữa ăn giữa ca; lễ hội trung thu cho con CBCNV và các chuyến du lịch nghỉ dưỡng hằng năm; quà sinh nhật cho nhân viên và quà tặng cho con CBCNV có thành tích học tập xuất sắc tại trường. Những lợi ích nêu trên được nêu rõ trong Thỏa ước lao động tập thể cho tất cả CBCNV.

❖ **Tổ chức Công đoàn:**

Công đoàn Công ty hoạt động khá hiệu quả, các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ của công nhân viên diễn ra hàng năm rất sôi nổi, tạo điều kiện cho CBCNV của Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe. Ngoài ra hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty còn được tổ chức đi nghỉ mát.

12. Chính sách cổ tức

Việc chi trả cổ tức của Công ty luôn tuân thủ theo Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy định của pháp luật. Theo đó, mức cổ tức chi trả hàng năm được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty, do HĐQT đề xuất và được ĐHĐCĐ thông qua.

Trong 03 năm vừa qua Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức như sau:

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026 (dự kiến)
Tỷ lệ chi trả cổ tức	0%	27,5%	3%	5%	Mức tối thiểu 5%
Hình thức chi trả	Không có	Tiền mặt: 10,5% Cổ phiếu: 17,0%	Tiền mặt: 3%	Tiền mặt: 5%	Tiền mặt hoặc cổ phiếu

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023, năm 2024, năm 2025 và năm 2026 của Logistics U&I.

13. Tình hình tài chính

13.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn kinh doanh

U&I Logistics luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích, quy định tại Điều lệ.

Vốn điều lệ và vốn kinh doanh qua các năm như sau:

Bảng 14: Vốn điều lệ và vốn kinh doanh (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
I	Vốn điều lệ	720,00	720,00	720,00
II	Vốn kinh doanh	1.108,75	1.133,27	1.069,11

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
1	Nợ phải trả	330,13	310,76	233,68
-	Nợ ngắn hạn	267,14	279,76	197,74
-	Nợ dài hạn	62,99	31,00	35,94
2	Vốn chủ sở hữu	778,62	822,51	835,43
-	Vốn góp của chủ sở hữu	720,00	720,00	720,00
-	Quỹ đầu tư phát triển	1,50	2,60	2,60
-	LNST chưa phân phối	30,97	83,57	96,11
-	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26,15	16,35	16,73

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

Bảng 15: Vốn điều lệ và vốn kinh doanh (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
I	Vốn điều lệ	720,00	720,00	720,00
II	Vốn kinh doanh	964,38	1.086,88	1.046,32
1	Nợ phải trả	182,72	206,74	157,34
-	Nợ ngắn hạn	155,01	188,21	140,55
-	Nợ dài hạn	27,70	18,53	16,79
2	Vốn chủ sở hữu	781,66	880,14	888,98
-	Vốn góp của chủ sở hữu	720,00	720,00	720,00
-	Quỹ đầu tư phát triển	1,00	2,10	2,10
-	LNST chưa phân phối	60,66	158,05	166,88

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

13.2. Tình hình công nợ:

❖ Các khoản phải thu:

Đối với báo cáo hợp nhất:

Bảng 16: Các khoản phải thu giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Hợp nhất)*Đvt: tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	329,95	304,32	220,34
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	313,28	267,89	207,61
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	11,60	13,25	12,95
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-
4	Phải thu ngắn hạn khác	16,02	35,97	12,57
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10,95)	(12,78)	(12,78)
II	Các khoản phải thu dài hạn	2,43	0,65	0,65
1	Phải thu dài hạn khác	2,43	0,65	0,65
Tổng cộng		332,38	304,97	221,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

Chi tiết về khoản mục Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của Công ty cụ thể như sau:

Bảng 17: Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của Công ty giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Hợp nhất)*Đvt: tỷ đồng*

Đối tượng	Năm 2024			Năm 2025			Quý 1/2026		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Nông sản Khải Hưng - trả trước tiền hàng	Trên 3 năm	8,99	7,73	Trên 3 năm	8,99	7,73	Trên 3 năm	8,99	7,73
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Hải Trân - trả trước tiền hàng		0,86	-	Trên 3 năm	0,86	-	Trên 3 năm	0,86	-
Công ty Xport Forwarding - cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	5,02	-	Trên 3 năm	5,16	-	Trên 3 năm	5,16	-
Klausner Furniture Industries Inc. - phải	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Đối tượng	Năm 2024			Năm 2025			Quý 1/2026		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
thu tiền cung cấp dịch vụ									
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm	0,87	0,21	Trên 3 năm	0,87	0,21
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1,07	0,73	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2,65	0,73	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2,65	0,73
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2,90	1,88	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	4,11	2,06	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	4,11	2,06
	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	6,76	4,73	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	2,84	2,00	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	2,84	2,00
Phải thu khác	Trên 3 năm	0,43	-	Trên 3 năm	0,01	-	Trên 3 năm	0,01	-
Cộng		26,02	15,06		25,50	12,72		25,50	12,72

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

Tình hình biến động dự phòng nợ khó đòi cụ thể như sau:

Bảng 18: Tình hình biến động dự phòng nợ khó đòi giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
Số đầu năm	8,41	10,95	12,78
Trích lập dự phòng bổ sung	2,54	2,82	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(0,99)	-
Số cuối năm	10,95	12,78	12,78

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

Bảng 19: Các khoản phải thu giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	176,08	187,75	136,26
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	167,51	152,97	125,19
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	0,84	2,59	1,33
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-
4	Phải thu ngắn hạn khác	8,30	32,22	9,76

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(0,56)	(0,04)	(0,04)
II	Các khoản phải thu dài hạn	2,32	0,54	0,54
1	Phải thu dài hạn khác	2,32	0,54	0,54
Tổng cộng		178,40	188,29	136,80

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

Chi tiết về khoản mục Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của Công ty cụ thể như sau:

Bảng 20: Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của Công ty giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

Đối tượng	Năm 2024			Năm 2025			Quý 1/2026		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đồ Gỗ Casadora	-	-	-	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	0,15	0,12	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	0,15	0,12
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Toàn cầu Thiên Ân	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	0,93	0,65	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thực phẩm Vietlink	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	0,39	0,27	-	-	-	-	-	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	0,56	0,39	-	-	-	-	-	-
Cộng		1,88	1,31		0,15	0,12		0,15	0,12

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

Tình hình biến động dự phòng nợ khó đòi cụ thể như sau:

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

Bảng 21: Tình hình biến động dự phòng nợ khó đòi giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Riêng lẻ)*Đvt: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
Số đầu năm	0,91	0,56	0,04
Hoàn nhập dự phòng	(0,34)	0,04	-
Xử lý xoá sổ	-	(0,56)	-
Số cuối năm	0,56	0,04	0,04

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics❖ **Các khoản phải trả:****Bảng 22: Các khoản phải trả giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Hợp nhất)***Đơn vị tính: tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
I	Nợ ngắn hạn	267,14	279,76	197,74
1	Phải trả người bán ngắn hạn	84,92	71,05	48,45
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8,2	10,36	9,29
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	28,73	27,80	9,00
4	Phải trả người lao động	17,28	20,81	7,50
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	8,4	7,70	12,42
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	4,09	4,09	4,09
7	Phải trả ngắn hạn khác	55,48	34,91	33,96
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	54,26	92,97	64,72
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,79	10,08	8,31
II	Nợ dài hạn	62,99	31,00	35,94
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	8,17	4,09	3,06
2	Phải trả dài hạn khác	8,28	1,69	5,07
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	44,11	22,09	24,68
4	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2,43	2,40	2,40

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
5	Quỹ phát triển hoa học và công nghệ	0	0,73	0,73
	Tổng	330,13	310,76	233,68

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

Bảng 23: Các khoản phải trả giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Riêng lẻ)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
I	Nợ ngắn hạn	155,01	188,21	140,55
1	Phải trả người bán ngắn hạn	39,18	51,71	45,26
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	0,45	0,57	0,91
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19,92	19,69	3,26
4	Phải trả người lao động	12,68	14,39	4,60
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	5,44	6,84	10,67
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	4,09	4,09	4,09
7	Phải trả ngắn hạn khác	43,78	21,98	21,33
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23,86	59,37	42,56
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,62	9,58	7,87
II	Nợ dài hạn	27,7	18,53	16,79
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	8,17	4,09	3,06
2	Phải trả dài hạn khác	4,53	1,57	1,57
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	12,14	11,43
4	Quỹ phát triển hoa học và công nghệ	0	0,73	0,73
	Tổng	182,72	206,74	157,34

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

Chi tiết về một số khoản mục Nợ phải trả của Công ty cụ thể như sau:

❖ **Phải trả người bán ngắn hạn**

Bảng 24: Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn của Công ty giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Đối tượng	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
1	Công ty Cổ phần Gia Long Express (là bên liên quan)	0,18	0,00	0,00
2	Công ty TNHH MTV Thanh Tân Container	6,18	0,01	-
3	Công ty Cổ phần ES Depot Việt Nam	-	11,60	8,57
4	Công ty Cổ phần Vận chuyển Bắc Trung Nam	9,73	13,77	10,76
5	Các nhà cung cấp khác	68,83	45,67	29,12
	Tổng cộng	84,92	71,05	48,45

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

Ghi chú: Công ty và các công ty con không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

Bảng 25: Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn của Công ty giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Riêng lẻ)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
A	Phải trả các bên liên quan	9,40	13,49	15,65
1	Công ty Cổ phần Vận tải U&I	9,21	13,42	15,13
2	Công ty Cổ phần Gia Long Express	0,18	-	-
3	Công ty Cổ phần Logistics U&I - Miền Bắc	0,02	0,08	0,53
4	Công ty Cổ phần Vận tải U&I - Miền Bắc	-	-	-
B	Phải trả nhà cung cấp khác	29,77	38,22	29,61
1	Công ty Cổ phần Vận chuyển Bắc Trung Nam	9,23	13,72	10,76

STT	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
2	Công ty TNHH MTV Thanh Tân Container	6,15	-	-
3	Công ty Cổ phần ES Depot Việt Nam	-	11,60	8,57
4	Các nhà cung cấp khác	14,39	12,90	10,28
	Tổng cộng	39,18	51,71	45,26

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

Ghi chú: Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

❖ **Tổng dư nợ vay:**

Bảng 26: Tổng vay và nợ thuê tài chính giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
A	Vay ngắn hạn	54,26	92,97	64,72
I	Vay ngắn hạn các cá nhân	-	0,15	-
1	Bà Nguyễn Thu Nga ⁽¹⁾	-	0,15	-
II	Vay ngắn hạn ngân hàng	51,40	89,95	89,95
1	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽²⁾	21,00	56,52	39,70
2	Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội ⁽³⁾	20,69	20,41	3,27
3	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ⁽⁴⁾	9,70	13,03	18,90
III	Vay dài hạn đến hạn trả	2,86	2,86	2,86
B	Vay dài hạn	44,11	22,09	24,68
I	Vay dài hạn các cá nhân	29,11	9,95	13,25
1	Ông Hoàng Đình Nam ⁽⁵⁾	7,72	2,40	-
2	Ông Nguyễn Đình Hùng ⁽⁵⁾	6,94	-	-
3	Bà Lại Thị Huyền Trang ⁽⁵⁾	14,45	7,55	13,25
II	Vay dài hạn ngân hàng	15,00	12,14	11,43
1	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽⁶⁾	15,00	12,14	11,43
	Tổng vay	98,36	115,06	89,40

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

Ghi chú:

- (1) Vay không có tài sản đảm bảo Bà Nguyễn Thu Nga để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 6%/năm, thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân.
- (2) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động ngắn hạn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm các hoạt động đầu tư vào tài sản cố định với lãi suất vay được quy định theo từng khế ước vay, thời hạn vay 04 tháng.
- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng:
 - Các sổ tiết kiệm tiền gửi có kỳ hạn theo từng lần giải ngân thuộc quyền sở hữu của Ông Phạm Duy Ánh. Tổng giá trị tài sản thế chấp tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính là 4.300.000.000 VND.
 - Phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn. Phương tiện vận tải có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.562.108.323 VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội
- (4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng các sổ tiết kiệm tiền gửi có kỳ hạn thuộc quyền sở hữu của Ông Phạm Duy Anh. Tổng giá trị tài sản thế chấp tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính là 6.000.000.000 VND.
- (5) Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất điều chỉnh hằng năm theo thỏa thuận giữa các bên (hiện nay, lãi suất vay giao động từ 2,6% - 2,8%/năm) lại, thời hạn vay đến ngày 01 tháng 01 năm 2028. Các khoản vay này là khoản vay giữa công ty con là Công ty Cổ phần Logistics U&I – Miền Bắc với các cá nhân nêu trên, các cá nhân cho vay không phải là người có liên quan của Công ty. Để làm rõ, tính đến ngày 31/03/2026, Công ty chỉ còn vay Bà Lại Thị Huyền Trang với số dư tương ứng là 13,25 tỷ đồng, các khoản vay còn lại đã được Công ty tắt toán trước hạn.
- (6) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bù đắp chi phí tài chính đầu tư Dự án Kho ngoại quan Nam Tân Uyên (Kho 10) với lãi suất vay quy định theo từng khế ước, thời hạn vay 84 tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Tân Hiệp, TP. Hồ Chí Minh.

[Phần còn lại của trang này được chú ý để trống]

Bảng 27: Tổng nợ vay giai đoạn 2024 – Q1/2026 (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
I	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23,86	59,37	42,56
1	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽¹⁾	21,00	56,52	39,70
2	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn ⁽²⁾	2,86	2,86	2,86
II	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15,00	12,14	11,43
1	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn ⁽²⁾	15,00	12,14	11,43
Tổng cộng		38,86	71,52	53,98

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

Ghi chú:

- (1) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động ngắn hạn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm các hoạt động đầu tư vào tài sản cố định với lãi suất vay được quy định theo từng khế ước vay, thời hạn vay 04 tháng.
- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bù đắp chi phí tài chính đầu tư Dự án Kho ngoại quan Nam Tân Uyên (Kho 10) với lãi suất vay quy định theo từng khế ước, thời hạn vay 84 tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Tân Hiệp, TP. Hồ Chí Minh.

13.3. Các khoản phải nộp theo luật định:

Đến thời điểm hiện nay, Công ty đã hoàn tất các nghĩa vụ về thuế đến hạn phải nộp theo đúng quy định.

Công ty luôn tuân thủ và cam kết thực hiện đúng các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế môn bài và các khoản phải nộp nhà nước theo quy định hiện hành.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

Bảng 28: Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

STT	Nội dung	Năm 2024		Năm 2025		Quý 1/2026	
		Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	1,17	-	0,92	-	0,55	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	25,95	0,01	23,75	-	3,39	-
3	Thuế thu nhập cá nhân	1,59	0,05	3,13	0,30	4,34	0,00
4	Tiền thuê đất	-	-	-	-	0,72	-
5	Các loại thuế khác	0,02	-	-	-	-	0,01
Tổng cộng		28,73	0,06	27,80	0,30	9,00	0,02

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

Bảng 29: Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

STT	Nội dung	Năm 2024		Năm 2025		Quý 1/2026	
		Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	19,07	-	19,69	-	2,19	-
3	Thuế thu nhập cá nhân	0,83	-	-	0,30	1,06	-
4	Các loại thuế khác	0,02	-	-	-	-	-
5	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng		19,92	-	19,69	0,30	3,26	-

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics



13.4. Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Bảng 30: Số dư các quỹ (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
1	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	5,79	10,08	8,31
2	Quỹ Đầu tư phát triển	1,50	2,60	2,59
Tổng cộng		7,29	12,67	10,90

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

Bảng 31: Số dư các quỹ (riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
1	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	5,62	9,58	7,87
2	Quỹ Đầu tư phát triển	1,00	2,10	2,10
Tổng cộng		6,62	11,68	9,97

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

13.5. Các sự kiện có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Không có (nguồn: CTCP Logistics U&I)

13.6. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**Bảng 32: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)**

Đvt: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
1	Khả năng thanh toán			
-	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,84	2,04
-	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,81	2,03
-	Tỷ lệ thanh toán bằng tiền mặt	Lần	0,33	0,68
2	Cơ cấu vốn			
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,42	0,38

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,30	0,27
3	Năng lực hoạt động			
-	Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,19	1,04
-	Vòng quay vốn lưu động	Lần	7,13	4,52
-	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	143,36	162,28
4	Khả năng sinh lời			
-	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	%	4,08%	5,43%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	%	4,87%	5,64%
-	Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,70%	7,90%
-	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	695	700

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

Bảng 33: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
1	Khả năng thanh toán			
-	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,56	2,16
-	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,56	2,16
-	Tỷ lệ thanh toán bằng tiền mặt	Lần	0,15	0,95
2	Cơ cấu vốn			
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,23	0,23
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,19	0,19
3	Năng lực hoạt động			
-	Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,71	0,64
-	Vòng quay vốn lưu động	Lần	9,92	4,26
-	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	924,65	879,84



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
4	Khả năng sinh lời			
-	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	%	5,26%	16,06%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	%	3,72%	10,21%
-	Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	4,52%	12,60%
-	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	508	1.454

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

14. Tài sản cố định

14.1. Số dư các khoản mục tài sản cố định, tài sản vô hình của U&I Logistics theo BCTC hợp nhất:

Bảng 34: Tài sản cố định (Hợp nhất)

Dvt: tỷ đồng

STT	Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
1	Tài sản cố định hữu hình	289,65	78,95	27,26%	277,85	68,73	24,74%	227,93	65,00	28,52%
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	13,40	3,62	27,01%	13,84	3,62	26,19%	13,84	3,51	25,33%
1.2	Máy móc và thiết bị	31,98	6,23	19,48%	31,98	3,76	11,75%	31,98	3,23	10,09%
1.3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	121,55	24,01	19,75%	109,40	23,22	21,22%	109,40	21,73	19,86%
1.4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	15,58	2,99	19,19%	15,48	2,43	15,67%	15,56	2,39	15,39%
1.5	Tài sản cố định khác	107,14	42,09	39,29%	107,14	35,70	33,32%	107,14	34,14	31,86%
2	Tài sản cố định vô hình	3,63	0,49	13,50%	4,04	0,73	18,04%	4,04	0,67	16,58%
2.1	Chương trình phần mềm máy tính	3,63	0,49	13,50%	4,04	0,73	18,04%	4,04	0,67	16,58%
Tổng cộng		293,28	79,44	27,09%	281,89	69,46	24,64%	231,97	65,67	28,31%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

14.2. Số dư các khoản mục tài sản cố định, tài sản vô hình của U&I Logistics theo BCTC riêng lẻ:

Bảng 35: Tài sản cố định (Riêng lẻ)

Đvt: tỷ đồng

STT	Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
1	Tài sản cố định hữu hình	208,18	64,29	30,88%	211,35	55,72	26,36%	211.43	52.63	24.89%
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	13,23	3,62	27,36%	13,67	3,62	26,51%	13,67	3,51	25,64%
1.2	Máy móc và thiết bị	26,17	3,73	14,25%	26,17	2,03	7,76%	26,17	1,67	6,39%
1.3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	54,74	11,86	21,67%	57,48	11,94	20,77%	57,48	10,91	18,98%
1.4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	7,02	0,94	13,39%	7,02	0,37	5,29%	7,10	0,35	4,90%
1.5	Tài sản cố định khác	107,01	44,15	41,25%	107,01	37,76	35,28%	107,01	36,19	33,82%
2	Tài sản cố định vô hình	2,86	0,03	1,05%	2,86	0,00	0,00%	2,86	-	0%
2.1	Chương trình phần mềm máy tính	2,86	0,03	1,05%	2,86	0,00	0,00%	2,86	-	0%
Tổng cộng		211,04	64,31	30,47%	214,22	55,72	26,01%	214,30	52,63	24,56%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

14.3. Số dư các khoản mục bất động sản đầu tư của U&I Logistics:

❖ Số dư các khoản mục bất động sản đầu tư (hợp nhất) của U&I Logistics cụ thể như sau:

[Phần còn lại của trang này được chú ý để trống]

Bảng 36: Bất động sản đầu tư (Hợp nhất)

Đvt: tỷ đồng

ST T	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025			31/03/2026		
		Nguyên n giá	Giá trị còn lại	Nguyên n giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)	Nguyên n giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
1	Nhà kho	456,35	159,74	456,35	131,19	28,75%	456,35	124,98	27,39%
2	Cơ sở hạ tầng	9,69	-	9,69	-	0,00%	9,69	-	0,00%
Tổng cộng		466,04	159,74	466,04	131,19	28,15%	466,04	124,98	26,82%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics
 Danh mục bất động sản đầu tư (hợp nhất) của U&I Logistics tại ngày 31/12/2025 cụ thể như sau:

Bảng 37: Danh mục bất động sản đầu tư (Hợp nhất) tại ngày 31/03/2026

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Tên bất động sản đầu tư	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà kho tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Tân Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	366,11	285,27	80,84
2	Cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Tân Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	9,69	9,69	-
3	Nhà kho tại Lô 374, 375, 376, 377, 378, đường số 6, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore 1, phường An Phú, TP. Hồ Chí Minh	51,86	22,06	29,80
4	Nhà kho tại số 45 đường số 11, phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	38,38	24,03	14,34
Tổng cộng		466,04	341,06	124,98

Nguồn: BCTC Quý 1/2026 của U&I Logistics

Ghi chú:

⁽¹⁾ Bất động sản đầu tư cho thuê được xây dựng trên 2 khu đất thuê trả tiền thuê hàng năm tại số 45 Đường số 11, Khu phố 4, phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh thuộc quyền quản lý và sử dụng của Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ hàng hóa - Cao su:

- Khu đất thuê có diện tích 4.186 m² theo Hợp đồng thuê đất số 12030/HĐ-TNMT-QHSĐĐ ngày 15 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ hàng hóa - Cao su và Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh, thời hạn thuê đất 50 năm đến ngày 15 tháng 02 năm 2056.
- Khu đất thuê có diện tích 30.355,5 m² theo Hợp đồng thuê đất số 9211/HĐ-TNMT-QHSĐĐ ngày 23 tháng 11 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ hàng hóa - Cao su và Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh, thời hạn thuê đất đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Sau khi hết thời hạn thuê đất, Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ hàng hóa - Cao su đã gửi nhiều văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh xin gia hạn thuê nhưng chưa nhận được văn bản trả lời chính thức. Tuy nhiên, từ năm 2021 đến nay, hàng năm Chi cục Thuế TP. Thủ Đức đều gửi thông báo tiền thuê đất phải nộp cho khu đất này và Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ hàng hóa - Cao su cũng đã nộp đầy đủ tiền thuê đất theo các thông báo này.

❖ Số dư các khoản mục bất động sản đầu tư (riêng lẻ) của U&I Logistics cụ thể như sau:

Bảng 38: Bất động sản đầu tư (Riêng lẻ)

Dvt: tỷ đồng

ST T	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025			31/03/2026		
		Nguyên n giá	Giá trị còn lại	Nguyên n giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)	Nguyên n giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
1	Nhà kho	366,11	108,81	366,11	85,79	23,43%	366,11	80,84	22,08%
2	Cơ sở hạ tầng	9,69	-	9,69	-	0,00%	9,69	-	0,00%
Tổng cộng		375,80	108,81	375,80	85,79	22,83%	375,80	80,84	21,51%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2024, 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

Bất động sản đầu tư cho thuê nêu trên là nhà kho và cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

14.4. Tình hình đất đai mà Công ty đang quản lý và sử dụng:

❖ Thông tin về tình hình đất đai mà Công ty đang quản lý và sử dụng

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

Bảng 39: Tình hình đất đai mà Công ty đang quản lý và sử dụng

STT	Địa chỉ đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sở hữu	Thời hạn	Công ty đang sở hữu
1	<u>Kho 10:</u> KCN Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, TX Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là KCN Nam Tân Uyên, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh)	23.272,5	Đất khu công nghiệp (Đất xây dựng công trình hành chính và dịch vụ)	Thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng KCN	24/10/2054	CTCP Logistics U&I
2	<u>Kho 1:</u> KCN Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, TX Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là KCN Nam Tân Uyên, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh)	62.050,2	Đất khu công nghiệp (SKK)	Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng KCN	01/07/2055	CTCP Logistics U&I
3	<u>Kho 2:</u> KCN Nam Tân Uyên, P. Khánh Bình, TX Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là KCN Nam Tân Uyên, P. Tân Hiệp, TP. Hồ Chí Minh)	56.005,4	Đất khu công nghiệp (SKK)	Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng KCN	24/10/2054	CTCP Logistics U&I
4	<u>Kho 3,4,5:</u> KCN Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, TX Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là KCN Nam Tân Uyên, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh)	76.457,1	Đất khu công nghiệp (SKK)	Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng KCN	24/10/2054	CTCP Logistics U&I

STT	Địa chỉ đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sở hữu	Thời hạn	Công ty đang sở hữu
5	<u>Kho 6,7:</u> KCN Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, TX Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là KCN Nam Tân Uyên, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh)	98.226,1	Đất khu công nghiệp (SKK)	Thuê đất trả tiền hàng năm của của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng KCN	24/10/2054	CTCP Logistics U&I
6	Phường Phước Hòa, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phườngTân Phước, Tp. Hồ Chí Minh)	149.850,7	Đất khu công nghiệp	Thuê đất trả tiền hàng năm của của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng KCN	10/05/2052	CTCP Logistics U&I
7	Số 48 VSIP, Đường số 6, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam (nay là phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh). (Thửa đất số 2081, Tờ bản đồ số DC 17.6)	23.785,3	Đất khu công nghiệp	Thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng KCN	08/08/2054	CTCP Kho Hàng Hóa U&I
8	Số 45, Đường số 10, phường Linh Xuân, TP Thủ Đức, TP HCM (nay là phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh)	4.186	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	15/02/2056	Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ hàng hóa - Cao su
		27.497,7 (*)	Sử dụng riêng	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	31/12/2020 (*)	
Tổng cộng		521.331,00				

Nguồn: CTCP Logistics U&I

Ghi chú:

(*) Khu đất thuê có diện tích 30.355,5 m² (bao gồm 27.497,7 m² nằm ngoài lộ giới đường giao thông dự phóng và 2.857,8 m² nằm trong quy hoạch lộ giới đường giao thông dự phóng) theo Hợp đồng thuê đất số 9211/HĐ-TNMT-QHSDĐ ngày 23 tháng 11 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ hàng hóa - Cao su và Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh, thời hạn thuê đất đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Sau khi hết thời hạn thuê đất, Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ hàng hóa - Cao su đã gửi nhiều văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh xin gia hạn thuê nhưng chưa nhận được văn bản trả lời chính thức. Tuy nhiên, từ năm 2021 đến nay, hàng năm Chi cục Thuế TP. Thủ Đức đều gửi thông báo tiền thuê đất phải nộp cho khu đất này và Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ hàng hóa - Cao su cũng đã nộp đầy đủ tiền thuê đất theo các thông báo này.

15. Các dự án của Công ty

Không có (Nguồn: CTCP Logistics U&I).

16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**Bảng 40: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức (Hợp nhất)**

Dvt: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	% KH2026/ TH2025
1	Doanh thu thuần	1.163,52	1.176,57	101%
2	Lợi nhuận sau thuế	63,24	86,71	137%
3	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,43%	7,37%	136%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	7,69%	10,30%	134%
5	Tỷ lệ cổ tức	5%	5% (dự kiến)	-

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Cập nhật kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1/2026, U&I Logistics ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 204,62 tỷ đồng, giảm 28,09% so với cùng kỳ năm trước, tương đương hoàn thành khoảng 17,39% kế hoạch doanh thu thuần năm 2026. Đồng thời, lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý 1/2026 ghi nhận 12,92 tỷ đồng, tương đương hoàn thành khoảng 14,90% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2026.

Nhìn chung, năm 2026 tiếp tục là một năm còn nhiều khó khăn, thách thức đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty do ảnh hưởng từ các diễn biến địa chính trị phức tạp, xu hướng gia tăng lãi suất, biến động chi phí xăng dầu và các yếu tố bất định khác của thị trường. Trong bối cảnh đó, Công ty sẽ tiếp tục nỗ lực kiểm soát chi phí, duy trì hiệu quả hoạt động và phấn đấu

hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua. Cụ thể:

- **Đối với hoạt động bán hàng:** Công ty sẽ chủ động cắt giảm các hợp đồng có biên lợi nhuận thấp và tập trung mở rộng, phát triển các hợp đồng có biên lợi nhuận cao hơn. Trong mảng kho vận, công ty ưu tiên tệp khách hàng có tần suất luân chuyển hàng hóa cao nhằm gia tăng doanh thu dịch vụ trên từng đơn vị diện tích.
- **Về chi phí hoạt động:** Công ty dự kiến sẽ giảm tối thiểu chi phí hoạt động bằng các hình thức cụ thể như sau:
 - (i) Cắt giảm chi phí thông qua Số hóa và Trí tuệ nhân tạo (dự kiến tiết kiệm chi phí từ 1 – 1,5 tỷ/năm)
 - (ii) Tự động hóa trong nghiệp vụ khai báo hải quan;
 - (iii) Thiết lập cơ chế điều phối tập trung để giảm tỷ lệ xe chạy rỗng, qua đó nâng biên lợi nhuận gộp lên mức mục tiêu;
 - (iv) Tái cấu trúc và tiết giảm chi phí tại các công ty thành viên
 - ✓ Tại Công ty Cổ phần Vận tải U&I, công ty đặt mục tiêu cắt giảm 5% tổng chi phí vận hành trên mỗi container và tiết giảm 10% chi phí nhân sự thông qua việc cấu trúc lại định biên.
 - ✓ Tại Công ty Cổ phần Logistics U&I – Miền Bắc, công ty tiến hành tái cơ cấu định biên nhân sự theo hướng tinh gọn, dự kiến giảm 10–15% tổng định biên.

Chi tiết về các căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà Công ty đã nêu ở trên và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua chi tiết như sau:

- **Nhóm dịch vụ cốt lõi:**

- **Dịch vụ Kho vận:**

- Ưu tiên tệp khách hàng có tần suất luân chuyển hàng hóa cao nhằm gia tăng doanh thu dịch vụ trên từng đơn vị diện tích.
 - Duy trì quy mô kho bãi theo mô hình tinh gọn; chỉ gia hạn hoặc vận hành các diện tích đạt tỷ lệ sinh lời mục tiêu.
 - Cơ cấu lại tệp khách hàng, tập trung vào các nhóm ngành có rào cản kỹ thuật cao như Điện tử, FDI, Dược phẩm và Nhóm hàng tiêu dùng nhanh; đưa tỷ trọng khách hàng ngoài ngành gỗ đạt $\geq 30\%$ vào cuối năm 2026.

- **Dịch vụ Vận chuyển nội địa và Thủ tục Hải quan:**

- Triển khai giải pháp phần mềm và tự động hóa trong nghiệp vụ khai báo hải quan nhằm cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ và chi phí nhân sự trên mỗi tờ khai.
 - Thiết lập cơ chế điều phối tập trung để giảm tỷ lệ xe chạy rỗng xuống, nâng biên lợi nhuận gộp lên mức mục tiêu.

- Mở rộng liên kết với các hãng tàu, đơn vị vận tải và Depot theo mô hình khai thác chung hạ tầng, tăng tốc độ phủ sóng mạng lưới mà không phát sinh chi phí đầu tư tài sản cố định.
- **Nhóm dịch vụ duy trì và tối ưu:**
 - **Dịch vụ Cước đường biển:**
 - Hoàn tất giai đoạn tái cấu trúc nhân sự, tập trung tuyển dụng và đào tạo đội ngũ kinh doanh chuyên sâu theo từng tuyến hàng trọng điểm.
 - Ưu tiên khai thác luồng hàng nhập khẩu để đảm bảo biên lợi nhuận ổn định, hạn chế rủi ro biến động giá cước xuất khẩu; mục tiêu cân bằng tỷ trọng nhập khẩu/xuất khẩu ở mức 55/45.
 - **Dịch vụ Vận chuyển nội địa và Thủ tục Hải quan:**
 - Thiết kế chuỗi cung ứng hàng không đặc thù cho nhóm hàng yêu cầu cao về thời gian và kiểm soát nghiêm ngặt điều kiện bảo quản như dược phẩm, linh kiện điện tử.
 - Kết hợp năng lực vận tải hàng không với dịch vụ chuyển phát nhanh để cung cấp giải pháp giao hàng tận cửa tốc độ cao.
 - Khai thác hạ tầng của hệ thống đại lý chiến lược tại Trung Quốc và Hoa Kỳ theo mô hình ít tài sản.
 - Hoàn thiện năng lực quản trị chuỗi cung ứng lạnh và các chứng chỉ chuyên ngành quốc tế để thâm nhập sâu vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia.
- **Các dự án chiến lược:**
 - **Số hóa vận hành bằng Trí tuệ nhân tạo:**
 - Mục tiêu: Cắt giảm trực tiếp chi phí quản lý gián tiếp và nâng cao năng suất thực thi toàn hệ thống thông qua việc thay thế các quy trình thủ công bằng hệ thống tự động.
 - Nội dung triển khai.
 - Triển khai hệ thống báo giá dịch vụ tự động tích hợp trên hệ thống Quản trị quan hệ khách hàng.
 - Áp dụng thuật toán điều phối lịch nhập – xuất tại kho và Depot.
 - Tái cấu trúc luồng vận hành container tại Depot để tăng tỷ lệ tái sử dụng.
 - Thiết lập hệ thống báo cáo quản trị cập nhật dữ liệu thời gian thực.

Chỉ tiêu KPI	Mục tiêu 2026
Tỷ lệ báo giá xử lý qua Trí tuệ nhân tạo	≥ 60% vào Q3/2026
Thời gian phản hồi báo giá bình quân	< 1,5 giờ
Tỷ lệ tái sử dụng container tại Depot	≥ 90%
Tiết kiệm chi phí nhân sự hành chính	1,0 – 1,5 tỷ VNĐ/năm

➤ **Vận tải thủy nội địa tuyến Tân Uyên – Cát Lái:**

- Mục tiêu: Thiết lập phương thức vận chuyển thay thế có chi phí thấp hơn đường bộ 40–45%, tạo lợi thế cạnh tranh về giá và tuân thủ Tiêu chuẩn Môi trường - Xã hội - Quản trị.
- Giá trị gia tăng: Cắt giảm 70–80% lượng phát thải CO₂ trên mỗi tấn hàng, hỗ trợ khách hàng FDI hoàn thiện báo cáo giảm phát thải trong chuỗi cung ứng.

Chỉ tiêu KPI	Mục tiêu 2026
Tần suất khai thác	5 – 8 chuyến/tuần
Sản lượng	10.000 – 16.000 tấn/tháng
Tỷ lệ lấp đầy sà lan	≥ 60%
Biên lợi nhuận khi đạt công suất tối đa	≥ 10%

➤ **Logistics FDI chuyên biệt (Điện tử & Công nghệ):**

- Mục tiêu: Tái cơ cấu danh mục khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro tập trung vào các ngành hàng truyền thống. Gia tăng tỷ trọng doanh thu từ nhóm khách hàng FDI lĩnh vực điện tử từ mức 5–7% hiện nay lên tối thiểu 12% vào cuối năm 2026.

Chỉ tiêu KPI	Mục tiêu 2026
Số hợp đồng FDI ký mới trong năm	≥ 2 hợp đồng
Tỷ trọng doanh thu FDI cuối 2026	≥ 12%
Tỷ trọng doanh thu ngoài ngành gỗ	≥ 30%

➤ **Kho tiêu chuẩn Cái Mép:**

- Mục tiêu: Thiết lập vị thế tiên phong tại khu vực cửa ngõ hàng hải; xây dựng nền tảng vận hành sẵn sàng trước khi các Khu thương mại tự do và Trung tâm hàng hải quốc tế chính thức đi vào hoạt động.
- Nội dung: Triển khai vận hành thí điểm mô hình kho tiêu chuẩn tại lô CN25; xây dựng đội ngũ vận hành nòng cốt; hoàn thiện quy trình tiêu chuẩn sẵn sàng nhân rộng.
- Giá trị chiến lược: Khai thác sớm tệp khách hàng có nhu cầu trung chuyển quốc tế và dịch vụ giá trị gia tăng, tạo doanh thu từ 2027 với biên lợi nhuận kỳ vọng cao hơn mặt bằng chung 20–25%

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

Không có.

18. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Chiến lược phát triển của U&I Logistics đến năm 2030 được xây dựng trên 5 trụ cột chính – mỗi trụ cột là một hướng đi quan trọng và đều gắn với những chỉ tiêu rõ ràng để đảm bảo khả năng thực thi và kiểm chứng kết quả.

- **Hiểu môi trường – để đi đúng hướng**

U&I Logistics đánh giá toàn diện các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội, công nghệ, môi trường và pháp lý đang ảnh hưởng mạnh đến ngành logistics. Trước những cơ hội và thách thức từ chính sách thương mại tự do, xu hướng ESG, áp lực số hóa và thiếu hụt nhân sự có tay nghề, U&I Logistics định hình chiến lược không dựa trên cảm tính, mà dựa vào hiểu biết thực tế và phân tích sâu sắc. Đây là nền tảng giúp chúng tôi thiết kế chiến lược có cơ sở vững chắc và phù hợp với bối cảnh trong nước và khu vực.

- **Định vị khác biệt – bằng giải pháp tích hợp theo ngành**

Thay vì cung cấp dịch vụ logistics đại trà, Công ty lựa chọn chiến lược cung cấp giải pháp tích hợp theo ngành, triển khai trên nền tảng công nghệ, và được cá nhân hóa theo từng khách hàng. Định hướng này giúp nâng tỷ lệ đơn hàng xử lý qua hệ thống đạt ít nhất 90% vào năm 2027, đồng thời xây dựng năng lực phục vụ sâu theo từng ngành: gỗ, FMCG, thương mại điện tử, nông sản thực phẩm, và dược phẩm.

- **Thực thi có kỷ luật – đo lường bằng hiệu suất và hiệu quả**

Chiến lược của U&I Logistics không dừng ở tầm nhìn, mà được vận hành bằng kỷ luật và hệ thống chỉ tiêu cụ thể. Công ty cam kết:

- Tăng trưởng doanh thu logistics trung bình trên 20%/năm
- Tỷ lệ giao hàng đúng hạn (OTIF) đạt trên 98%
- Tự động hóa trong vận hành đạt trên 80%

Những chỉ số này phản ánh năng lực vận hành thực chất, chứ không chỉ là bề ngoài tổ chức.

- **Đổi mới và bền vững – dẫn đầu bằng công nghệ và ESG**

U&I Logistics đầu tư mạnh vào năng lực công nghệ, bao gồm AI để điều phối và dự đoán nhu cầu, cùng hệ thống vận hành đạt chuẩn ESG. Đây là cam kết không chỉ vì tuân thủ quốc tế, mà còn vì hiệu quả và trách nhiệm với môi trường – xã hội.

Mục tiêu đến 2030 của Công ty là giảm phát thải CO₂ trên 30% so với hiện nay, và tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo trong vận hành trên 25%

- **Xây dựng đội ngũ – vì tổ chức mạnh hơn từng cá nhân**

U&I Logistics xem con người là nền tảng vận hành chiến lược, càng tinh gọn, càng hiệu quả. Do đó chúng tôi chuẩn hóa năng lực lãnh đạo và quản lý cấp trung theo khung 4E: hiệu quả, hiệu suất, xuất sắc, và trao quyền. Với các chỉ tiêu như: 100% cán bộ quản lý đạt chuẩn 4E vào năm 2030 và tỷ lệ nghỉ việc tự nguyện duy trì dưới 8%/năm.

Chiến lược này không chỉ để trình bày – mà để hành động. Mỗi trụ cột đều gắn với định hướng rõ ràng và chỉ tiêu cụ thể. Từ tầm nhìn đến công nghệ, từ thị trường đến con người, tất cả đều hướng đến một U&I Logistics mạnh mẽ – hiệu quả – tin cậy – và bền vững.

Công ty không theo đuổi quy mô đơn thuần, mà theo đuổi năng lực thực sự để sống sót, phát triển và dẫn đầu trong một thế giới logistics nhiều biến động.

19. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có (nguồn: CTCP Logistics U&I)

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng Quản trị****1.1. Cơ cấu Hội đồng Quản trị**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Mai Hữu Tín	Chủ tịch HĐQT	TV HĐQT không điều hành
2	Nguyễn Xuân Phúc	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	TV HĐQT điều hành
3	Lương Duy Hoài	Thành viên độc lập HĐQT	TV HĐQT không điều hành

1.2. Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị:

Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

1.3. Sơ yếu lý lịch của Hội đồng Quản trị**1.3.1. Ông Mai Hữu Tín - Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên : **Mai Hữu Tín**
- Ngày tháng năm sinh : 27/8/1969
- Nơi sinh : Bình Dương
- CCCD số : 074069000209
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 254/2, Thích Quảng Đức, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
Từ 12/1988 – 08/1992	Phiên dịch Tiếng Anh tại Liên hiệp Cty XNK Sông Bé.
Từ 08/1992 – 11/1992	Giám đốc Điều hành Công ty May Sông Bé.
Từ 12/1992 – 05/1993	Đại diện Thương Mại VPĐD Công ty Nidera
Từ 06/1993 – 09/1994	Giám đốc Điều hành Công ty Phi Long
Từ 10/1994 – 08/1995	Giám đốc Điều hành Công ty CP Hoàng Gia
Từ 09/1995 – 08/1998	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH TOA

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
Từ 09/1998 – 03/2003	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH U&I
Từ 03/2003 – 05/2015	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giao nhận Vận tải U&I
Từ 04/2003 – đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư U&I
Từ 04/2013 – 04/2023	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long
Từ 01/2015 – 03/2026	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Mỹ Nghệ U&I
Từ 05/2015 – đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Logistics U&I
Từ 04/2017 – đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành
Từ 11/2018 – đến nay	Thành viên HĐQT Tổng Công ty Sản xuất – Xuất Nhập Khẩu Bình Dương – CTCP
Từ 06/2021 – đến nay	Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Cao Su Phước Hòa
Từ 04/2026 – đến nay	Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ tại các tổ chức khác :
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư U&I
 - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành
 - Thành viên HĐQT Tổng Công ty Sản xuất – Xuất Nhập Khẩu Bình Dương – CTCP
 - Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ Phần Cao Su Phước Hòa
 - Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ Phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
- Số cổ phần các cá nhân sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 21.115.812 cổ phần – chiếm 29,33 % VDL
- Số cổ phần người có liên quan sở hữu : 21.115.812 cổ phần, cụ thể:

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty CP Đầu tư U&I	Ông Mai Hữu Tín là CT HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	21.115.812	29,33%
	Tổng cộng		21.115.812	29,33%

- Thù lao và lợi ích khác :

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
1	Thù lao	180.000.000 đồng	180.000.000 đồng
2	Tiền lương	Không có	Không có
3	Thưởng	Không có	Không có
4	Lợi ích khác	Không có	Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

1.3.2. Ông Nguyễn Xuân Phúc - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên : Nguyễn Xuân Phúc
- Ngày tháng năm sinh : 29/3/1971
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- CCCD số : 038071039185
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 8, đường D4, KDC Phú Hòa 1, Tổ 2, Khu phố 7, Phường Phú Lợi, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Khoa học ngành Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
Từ 04/1998 – 03/2003	Phó Giám đốc Công ty TNHH U&I
Từ 03/2003 – 11/2007	Tổng Giám đốc Công ty CP Giao nhận Vận tải U&I.
Từ 11/2007 – 05/2015	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Giao nhận Vận tải U&I.
Từ 05/2015 – đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Logistics U&I
Từ 08/2008 – đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải U&I.
Từ 08/2014 – 03/2026	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kho hàng hóa U&I.

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
Từ 02/2018 – đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Logistics U&I-miền Bắc
Từ 10/2024 – 05/2025	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP EZDO
Từ 05/2025 – đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP EZ Holding

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại các tổ chức khác :
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải U&I
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Logistics U&I - Miền Bắc.
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP EZ Holding
- Số cổ phần các cá nhân sở hữu : 2.237.860 cổ phần – chiếm 3,108% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0% VDL
- Số cổ phần người có liên quan sở hữu : 702.000 cổ phần, cụ thể:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Phạm Thị Kim Anh	Vợ	702.000	0,975%
	Tổng cộng		702.000	0,975%

- Thù lao và lợi ích khác :

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
1	Thù lao	120.000.000 đồng	360.000.000 đồng
2	Tiền lương	2.643.664.000 đồng	2.734.080.000 đồng
3	Thưởng	505.691.000 đồng	568.984.000 đồng
4	Lợi ích khác	Không có	Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

1.3.3. Lương Duy Hoài - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **Lương Duy Hoài**
- Ngày tháng năm sinh : 11/12/1988
- Nơi sinh : Đắk Lắk
- CCCD số : 066088000304
- Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú : Riverside Residence – P5, Khu phố 27, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ thông tin Đại Học Bách Khoa Tp.HCM
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
Từ 05/2011 – 04/2012	Phó Giám đốc cung ứng tại Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động
Từ 06/2012 – đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao hàng nhanh (GHN)
Từ 10/2015 – đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ tức thời (AhaMove)
Từ 11/2018 – đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Scommerce
Từ 10/2021 – đến nay	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Logistics U&I

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
- Chức vụ tại các tổ chức khác :
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao hàng nhanh (GHN).
 - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ tức thời (AhaMove)
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Scommerce (công ty mẹ sở hữu 100% vốn công ty giao hàng nhanh và 100% vốn công ty cổ phần dịch vụ tức thời).
- Số cổ phần các cá nhân sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0% VDL
- Số cổ phần người có liên quan sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0% VDL
- Thù lao và lợi ích khác :

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
1	Thù lao	Không có	Không có
2	Tiền lương	Không có	Không có
3	Thưởng	Không có	Không có
4	Lợi ích khác	Không có	Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

2. Ban kiểm soát**2.1. Cơ cấu Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đoàn Thụy Diễm Huyền	Trưởng BKS
2	Lâm Giáng Tiên	Thành viên BKS
3	Trương Phúc Khải	Thành viên BKS

2.2. Sơ yếu lý lịch của Ban kiểm soát**2.2.1. Bà Đoàn Thụy Diễm Huyền - Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và tên : **Đoàn Thụy Diễm Huyền**
- Ngày tháng năm sinh : 12/02/1980
- Nơi sinh : Bình Dương
- CCCD số : 074180008782
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : C234/22, Tổ 22, khu 3 Chánh Nghĩa, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
Từ 03/2003 – 12/2017	Kế toán công ty CP Đầu tư U&I
Từ 2018 – đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư U&I
Từ 2020 – đến nay	Thành viên HĐQT Công ty TNHH Mỹ nghệ U&I
Từ 2020 – đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp U&I
Từ 10/2021 – 01/2024	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Logistics U&I
Từ 02/2024 – đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Logistics U&I
Từ 06/2025 – đến nay	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác :
 - Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư U&I
 - Thành viên HĐQT Công ty TNHH Mỹ nghệ U&I.
 - Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp U&I

- Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

- Số cổ phần các cá nhân sở hữu : 3.178.492 cổ phần – chiếm 4,415% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0% VDL
- Số cổ phần người có liên quan sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0% VDL
- Thù lao và lợi ích khác :

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
1	Thù lao	118.000.000 đồng	120.000.000 đồng
2	Tiền lương	Không có	Không có
3	Thưởng	Không có	Không có
4	Lợi ích khác	Không có	Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

2.2.2. Ông Trương Phúc Khải - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : Trương Phúc Khải
- Ngày tháng năm sinh : 21/10/1978
- Nơi sinh : Đồng Nai
- CCCD số : 075078010273
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 354, Tổ 2, Quốc lộ I, ấp Hưng Nhơn, xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
Từ 01/2002 – 03/2014	Trợ lý kiểm toán, tại Công ty TNHH Kiểm toán U&I
Từ 04/2014 – 04/2017	Kiểm toán viên, tại Công ty TNHH Kiểm toán U&I
Từ 05/2017 – 06/2022	Chủ nhiệm kiểm toán cao cấp, tại Công ty TNHH Kiểm toán U&I
Từ 07/2022 – đến nay	Giám đốc kiểm toán, tại Công ty TNHH Kiểm toán U&I
Từ 10/2021 – đến nay	Thành viên Ban kiểm soát, tại Công ty CP Logistics U&I

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Giám đốc kiểm toán, tại Công ty TNHH Kiểm toán U&I
- Số cổ phần các cá nhân sở hữu : 8.120 cổ phần – chiếm 0,011 % VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0 % VDL
- Số cổ phần người có liên quan sở hữu : 0 cổ phần
- Thù lao và lợi ích khác :

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
1	Thù lao	96.000.000 đồng	96.000.000 đồng
2	Tiền lương	Không có	Không có
3	Thưởng	Không có	Không có
4	Lợi ích khác	Không có	Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

2.2.3. Bà Lâm Giáng Tiên - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **Lâm Giáng Tiên**
- Ngày tháng năm sinh : 04/10/1992
- Nơi sinh : Bình Dương
- CCCD số : 074192002410
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 38/4 KP Long Thới, Phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
Từ 09/2014 – 07/2019	Kế toán viên, tại Công ty TNHH Kiểm toán U&I
Từ 10/2020 – 06/2021	Kế toán viên, tại Công ty TNHH Tectiiko Technology
Từ 07/2021 – đến nay	Kế toán viên, tại Công ty Cổ phần Tầm Nhìn Xanh

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Kế toán viên, tại Công ty Cổ phần Tầm Nhìn Xanh
- Số cổ phần các cá nhân sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0, VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0 % VDL

- Số cổ phần người có liên quan sở hữu : 0 cổ phần
- Thù lao và lợi ích khác :

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
1	Thù lao	Không có	Không có
2	Tiền lương	Không có	Không có
3	Thưởng	Không có	Không có
4	Lợi ích khác	Không có	Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

3. Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác

3.1. Cơ cấu Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Xuân Phúc	Tổng Giám đốc
2	Đoàn Kim Phúc	Kế toán trưởng
3	Huỳnh Hữu Tâm	Người phụ trách quản trị Công ty

3.2. Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

3.2.1. Ông Nguyễn Xuân Phúc - Tổng Giám đốc

Xem tại mục 1.3.2

3.2.2. Bà Đoàn Kim Phúc - Kế toán trưởng

- Họ và tên : **Đoàn Kim Phúc**
- Ngày tháng năm sinh : 18/01/1982
- Nơi sinh : Bình Dương
- CCCD số : 074182009282
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 420/24 Đại Lộ Bình Dương, tổ 13 , khu 03, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Kiểm toán
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
Từ 2004 – 2005	Nhân viên kế toán tại Công ty Dae Young VN.
Từ 2005 – 2012	Nhân viên kế toán – Công ty CP Giao nhận Vận tải U&I.

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
Từ 2013 – 05/2015	Phó phòng kế toán – Công ty CP Giao nhận Vận tải U&I.
Từ 05/2015 – 05/2023	Phó phòng kế toán – Công ty CP Logistics U&I.
Từ 06/2023 – đến nay	Kế toán trưởng – Công ty CP Logistics U&I.
Từ 04/2025 – đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải U&I.

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải U&I
- Số cổ phần các cá nhân sở hữu : 329.905 cổ phần – chiếm 0,458% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0 % VDL
- Số cổ phần người có liên quan sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0 % VDL
- Thù lao và lợi ích khác :

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
1	Thù lao	Không có	60.000.000 đồng
2	Tiền lương	878.880.000 đồng	878.880.000 đồng
3	Thưởng	167.640.000 đồng	207.538.000 đồng
4	Lợi ích khác	Không có	Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

3.2.3. Ông Huỳnh Hữu Tâm – Người phụ trách quản trị công ty

- Họ và tên : Huỳnh Hữu Tâm
- Ngày tháng năm sinh : 10/04/1977
- Nơi sinh : Tây Ninh
- CCCD số : 080077010679
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 52/4, Đường DX30, Tổ 4, Khu phố Phú Mỹ 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
Tháng 10/2003 – Tháng 12/2006	Nhân viên XNK Công ty CP Giao nhận Vận tải U&I
Tháng 1/2007 – 12/2012	Trưởng Bộ phận XLCT Công ty CP Giao nhận Vận tải U&I.

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
Tháng 1/2013 – 5/2015	Phó phòng Giao nhận Công ty CP Giao nhận Vận tải U&I.
Tháng 6/2015 – 12/2016	Phó phòng Giao nhận Công ty CP Logistics U&I.
Tháng 1/2017 – 12/2017	Phó phòng nhân sự Công ty CP Logistics U&I.
Tháng 1/2018 – 02/2021	Trưởng phòng nhân sự Công ty CP Logistics U&I.
Tháng 3/2021 – 03/2024	Trưởng phòng chăm sóc khách hàng Công ty CP Logistics U&I.
Tháng 4/2024 – 06/2025	Trưởng phòng Pháp chế Công ty CP Logistics U&I.
Tháng 7/2025 – 02/2026	Trưởng phòng HCNS Công ty CP Logistics U&I
Từ 10/02/2026 – đến nay	Người phụ trách quản trị Công ty tại Công ty CP Logistics U&I

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Người phụ trách quản trị công ty.
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không có
- Số cổ phần các cá nhân sở hữu : 62.244 cổ phần – chiếm 0,086% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần – chiếm 0% VDL
- Số cổ phần người có liên quan sở hữu : 23.400 cổ phần – chiếm 0,033% VDL, cụ thể:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Huỳnh Thanh Phong	Em ruột	23.400	0,033%
	Tổng cộng		23.400	0,033%

- Thù lao và lợi ích khác :

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2025
1	Thù lao	Không có	Không có
2	Tiền lương	572.880.000	572.880.000
3	Thưởng	106.271.000	106.271.000
4	Lợi ích khác	Không có	Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh cho những năm tiếp theo, HĐQT đã định hướng hoạt động cụ thể như sau:

- HĐQT luôn xem xét trách nhiệm tối cao của mình là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, các hoạt động của HĐQT phải minh bạch, phải đặt quyền lợi của các cổ đông và sự phát triển của Công ty là trên hết;

- Thực hiện nghiêm túc Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty;
- Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát và phối hợp bởi Tổng Giám đốc Công ty và bộ máy quản lý trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT;
- Tiếp tục rà soát, kiểm tra và tổ chức thực hiện tốt hệ thống Quy chế nội bộ Công ty một cách đồng bộ, hệ thống, sát thực tế, đáp ứng yêu cầu mới, phù hợp với các quy định hiện hành, làm cơ sở hành lang pháp lý nội bộ cho việc tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả;
- Sau khi đăng ký công ty đại chúng, Công ty sẽ áp dụng và tuân thủ các quy định về quản trị công ty đại chúng ban hành tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
I	Mai Hữu Tín	Chủ tịch HĐQT		CCCD	074069000209	22/02/2021	Cục CS QLHC về TTXH	254/2, Thích Quảng Đức, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
1	Công ty Cổ phần Đầu tư U&I		Ông Mai Hữu Tín là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Giấy ĐKDN	3700501180	15/4/2003 (thay đổi lần thứ 7 ngày 09/3/2021)	Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM)	158 Ngô Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	21.115.812	29,33%
2	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành		Ông Mai Hữu Tín là Chủ tịch HĐQT CTCP Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	Giấy CN ĐKDN	3700530696	18/8/2003	Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM)	Đường ĐT 747, Khu Phố 7, Phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
3	Công ty Cổ phần Cao Su Phước Hòa		Ông Mai Hữu Tín là Thành viên HĐQT độc lập	Giấy CN ĐKDN	3700147532	03/3/2008	Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM)	Thửa đất số 374, Tờ bản đồ 17, ấp 2A, Xã Phước Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/P assport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
4	Tổng Công Ty SX – XNK Bình Dương – CTCP		Ông Mai Hữu Tín là Thành viên HĐQT TCT SX – XNK Bình Dương – CTCP	Giấy CN ĐKDN	370014 8166	26/11/1992	Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM)	A128, đường Ba Tháng Hai, Khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
5	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận		Ông Mai Hữu Tín là Thành viên HĐQT	Giấy CN ĐKDN	030052 1758	02/01/2004	Sở KH&ĐT (nay là Sở Tài chính) TPHCM	170E Phan Đăng Lưu, Phường Đức Nhuận, TP.Hồ Chí Minh	0	0%
6	Từ Thị Bích Phượng		Vợ	CCCD	079169 016208	22/02/2021	Cục CS QLHC về TTXH	254/2 Thích Quảng Đức, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
7	Mai Ngọc Nhân		Con trai	CCCD	074092 000092	08/02/2021	Cục CS QLHC về TTXH	254/2 Thích Quảng Đức, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
8	Mai Ngọc Hào		Con gái	CCCD	074194 000103	08/02/2021	Cục CS QLHC về TTXH	254/2 Thích Quảng Đức, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
9	Mai Hữu Mỹ		Anh trai	CCCD	074065 000547	29/3/2021	Cục CS QLHC về TTXH	561/194 Đại lộ Bình Dương tổ 17, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
10	Mai Hữu Trọng		Em trai	CCCD	074071 000223	31/5/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Số 111, Phan Đình Giót, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.	0	0%

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/P assport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
11	Mai Thanh Tuyền		Em gái	CCCD	741750 00257	26/2/2021	Cục CS QLHC về TTXH	4/14 Nguyễn Trãi, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.	0	0%
12	Vương Thị Kim Liên		Chị dâu	CCCD	074162 000505	29/3/2021	Cục CS QLHC về TTXH	561/194 Đại lộ Bình Dương tổ 17, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
13	Trần Kim Thái		Em dâu	CCCD	741740 00274	26/2/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Số 111, Phan Đình Giót, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
14	Vũ Xuân Dương		Em rể	CCCD	074075 007390	08/7/2022	Cục CS QLHC về TTXH	4/14 Nguyễn Trãi, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
II	Nguyễn Xuân Phúc	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD		CCCD	038071 039185	09/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Số 8, đường D4, KDC Phú Hòa 1, tổ 2, khu phố 7, phường Phú Lợi, Tp. Hồ Chí Minh	2.237.860	3,108 %
1	Công ty Cổ phần Vận tải U&I		Ông Nguyễn Xuân Phúc là Chủ tịch HĐQT	Giấy ĐKKD	370097 0866	21/8/2008 (thay đổi lần thứ 5)	Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là	158 Ngô Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh	0	0%

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
						ngày 25/5/2022)	Sở Tài chính Tp.HCM)			
2	Công ty Cổ phần Logistics U&I – Miền Bắc		Ông Nguyễn Xuân Phúc là Chủ tịch HĐQT	Giấy ĐKKD	010815 6122	01/02/2018 (thay đổi lần thứ 5 ngày 29/3/2023)	Sở KH&ĐT (nay là Sở Tài chính) Tp. Hà Nội	Phòng 1451M, tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	0	0%
3	Công ty Cổ phần EZ Holding		Ông Nguyễn Xuân Phúc là Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	Giấy ĐKKD	031872 7407	22/10/2024	Sở KH&ĐT (nay là Sở Tài chính) Tp. Hồ Chí Minh	Số 167/21 Đặng Thùy Trâm, Phường Bình Lợi Trung, Tp. Hồ Chí Minh	0	0%
4	Phạm Thị Kim Anh		Vợ	CCCD	035173 004068	27/11/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Số 8, đường D4, KDC Phú Hòa 1, tổ 2, khu phố 7, phường Phú Lợi, Tp. Hồ Chí Minh	702.000	0,975%
5	Nguyễn Thạch Thảo		Con	CCCD	074301 001416	16/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Số 8, đường D4, KDC Phú Hòa 1, tổ 2, khu phố 7, phường Phú Lợi, Tp. Hồ Chí Minh	0	0%
6	Nguyễn Phúc Bảo Kha		Con	CCCD	074205 001870	08/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Số 8, đường D4, KDC Phú Hòa 1, tổ 2, khu phố 7, phường Phú Lợi, Tp. Hồ Chí Minh	0	0%
7	Nguyễn Thị Hà		Chị ruột	CCCD	038167 007911	8/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Thôn 3, xã Lĩnh Toại, tỉnh Thanh Hóa	0	0%

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
III	Lương Duy Hoài	Thành viên độc lập HĐQT		CCCD	066088000304	02/10/2020	Cục CS QLHC về TTXH	Riverside Residence – P5, Khu phố 27, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.	0	0%
1	Công ty CP Đầu tư Scommerce		Ông Lương Duy Hoài là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	Giấy ĐKKD	0312724449	04/04/2014 (thay đổi lần thứ 22 ngày 07/2/2024)	Sở KH&ĐT (nay là Sở Tài chính) TPHCM	405/15 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
2	Công ty CP Dịch vụ Giao Hàng Nhanh		Ông Lương Duy Hoài là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	Giấy ĐKKD	0311907295	02/08/2018 (thay đổi lần thứ 19 ngày 12/11/2020)	Sở KH&ĐT (nay là Sở Tài chính) TPHCM	405/15 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
3	Công ty CP Dịch vụ tức thời (Ahamove)		Ông Lương Duy Hoài là Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Giấy ĐKKD	0313506115	26/10/2015 (thay đổi lần thứ 9 ngày 15/3/2023)	Sở KH&ĐT (nay là Sở Tài chính) TPHCM	405/15 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
4	Lương Minh Nhật		Con trai	Passport	C8942668	03/03/2020	Cục QLXNC	Riverside Residence – P5, Khu phố 27, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.	0	0%

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
5	Lương Bảo Khôi		Con trai	Passport	P00380540	12/08/2022	Cục QLXNC	Riverside Residence – P5, Khu phố 27, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.	0	0%
6	Đỗ Thị Anh Thư		Vợ	CCCD	066189000524	09/06/2020	QLHC về TTXH	Riverside Residence – P5, Khu phố 27, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.	0	0%
7	Lương Minh Hiếu		Cha	CCCD	066067000198	30/03/2021	QLHC về TTXH	Raymondienne, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng, Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
8	Nguyễn Thị Kim Liên		Mẹ	CCCD	095066000246	10/07/2021	QLHC về TTXH	Raymondienne, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng, Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
9	Lương Ngọc Hân		Em Gái	CCCD	066195009693	04/09/2022	QLHC về TTXH	102 đường Tạ Quang Bửu, phường Chánh Hưng, HCM.	0	0%
10	Nguyễn Thành Tân		Em Rể	CCCD	086095002934	12/09/2022	QLHC về TTXH	102 đường Tạ Quang Bửu, phường Chánh Hưng, HCM.	0	0%
11	Đỗ Thái Ninh		Em Vợ	CCCD	066091014042	30/05/2022	QLHC về TTXH	412 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	0	0%
IV	Đoàn Thụy Diễm Huyền	Trưởng BKS		CCCD	074180008782	19/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	C234/22, Tổ 22, khu 3 Chánh Nghĩa, P. Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.	3.178.492	4,42%

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/P assport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Công ty Cổ phần Đầu tư U&I		Kế Toán trưởng	Giấy ĐKKD	3700501180	15/4/2003 (thay đổi lần thứ 7 ngày 09/3/2021)	Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM)	158 Ngô Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	21.115.812	29,33%
2	Công ty TNHH Mỹ Nghệ U&I		Bà Đoàn Thụy Diễm Huyền là TV HĐQT Công ty TNHH Mỹ Nghệ U&I	Giấy CN ĐKDN	3700479009	03/01/2003	Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM)	Tòa nhà U&I, số 158, Ngô Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
3	Công ty CP Nông nghiệp U&I		Bà Đoàn Thụy Diễm Huyền là TV HĐQT Công ty CP Nông nghiệp U&I	Giấy CN ĐKDN	3701528386	12/06/2009	Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM)	Tòa nhà U&I, số 158, Ngô Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
4	Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành		Bà Đoàn Thụy Diễm Huyền là TV HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT	Giấy CN ĐKDN	3700530696	18/08/2003	Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM)	Đường ĐT 747, Khu Phố 7, Phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
5	Liêu Anh Hoàng		Chồng	CCCD	074078002517	22/2/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Hòa Lân, phường Thuận An, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
6	Dương Thị Hơ		Mẹ	CCCD	074154006764	07/07/2022	Cục CS QLHC về TTXH	A34a, Khu 3 Hiệp Thành, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.	0	0%
7	Đoàn Tấn Quân		Anh Trai	CCCD	074077003159	25/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Tổ 22, khu 1, Phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
8	Lê Thị Hoa		Chị dâu	CCCD	074178003650	30/11/2022	Cục CS QLHC về TTXH	A34a, Khu 3 Hiệp Thành, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.	0	0%
9	Liêu Anh		Ba Chồng	CCCD	074046001903	09/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	C234/22, Tổ 22, khu 3, P. Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
10	Vương Kim Niềng		Má Chồng	CCCD	074178003650	6/02/2023	Cục CS QLHC về TTXH	C234/22, Tổ 22, khu 3, P. Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
11	Liêu Huyền Mai		Con	Định danh cá nhân	074313001951	2022	Công an phường Thủ Dầu Một	C234/22, Tổ 22, khu 3, P. Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
12	Liêu Hoàng Phát		Con	Định danh cá nhân	074218008433	2022	Công an phường Thủ Dầu Một	C234/22, Tổ 22, khu 3, P. Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
V	Trương Phúc Khải	Thành viên BKS		CCCD	075078010273	08/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	354, Tổ 2, Quốc lộ 1, ấp Hưng Nhơn, xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai.	8.120	0,011%
1	Hà Thị Vui		Vợ	CCCD	035184012382	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	5/11, tổ 17, khu phố Phú Mỹ 4, phường Bình Dương. Thành phố Hồ Chí Minh.	0	0%

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/P assport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
2	Trương Chí Bình		Con ruột	CCCD	035307005888	05/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	5/11, tổ 17, khu phố Phú Mỹ 4, phường Bình Dương. Thành phố Hồ Chí Minh.	0	0%
3	Trương Ngọc Anh		Con ruột	Định danh cá nhân	074314007745	05/10/2022	Công an phường Phú Mỹ	5/11, tổ 17, khu phố Phú Mỹ 4, phường Bình Dương. Thành phố Hồ Chí Minh.	0	0%
4	Trương Tấn Phát		Con ruột	Định danh cá nhân	074216002664	05/10/2022	Công an phường Phú Mỹ	5/11, tổ 17, khu phố Phú Mỹ 4, phường Bình Dương. Thành phố Hồ Chí Minh.	0	0%
5	Hồ Thị Đậu		Mẹ ruột	CCCD	075134002202	09/10/2022	Cục CS QLHC về TTXH	354, Tổ 2, Quốc lộ 1, ấp Hưng Nhơn, xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai	0	0%
6	Trần Thị Mùi		Mẹ vợ	CCCD	035159001957	30/01/2019	Cục CS QLHC về TTXH	Xã Liêm Hà, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	0	0%
7	Trương Thanh Tuấn		Anh ruột	CCCD	075059006911	31/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	354, Tổ 2, Quốc lộ 1, ấp Hưng Nhơn, xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai	0	0%
VI	Lâm Giáng Tiên	Thành viên BKS		CCCD	074192002410	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	38/4 KP Long Thới, Phường Lái Thiêu, TPHCM	0	0%
1	Lâm Thiên Lý		Ba	CCCD	074061001640	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	38/4 KP Long Thới, Phường Lái Thiêu, TPHCM	0	0%
2	Huỳnh Thị Ngọc Thuý		Mẹ	CCCD	074172005062	21/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Tổ 6, KP Long Hưng, Phường Long Nguyên, TPHCM	0	0%

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
3	Lâm Bá		Em trai	CCCD	074098001577	26/09/2023	Cục CS QLHC về TTXH	38/4 KP Long Thới, Phường Lái Thiêu, TPHCM	0	0%
4	Linda Ly Thi		Em dâu	Passport	A51443830	15/08/2024	Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ	1138 Edgemoor Ct Lancaster, Pennsylvania, USA	0	0%
5	Trần Anh Kiệt		Chồng	CCCD	079092036147	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	49/9A, ấp 121, Bù Công Trùng, xã Đông Thạnh, TPHCM	0	0%
6	Trần Văn Hiền		Ba chồng	CCCD	079063028356	17/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	49/9A, ấp 121, Bù Công Trùng, xã Đông Thạnh, TPHCM	0	0%
7	Nguyễn Mỹ Ngọc		Mẹ chồng	CCCD	072165009384	22/02/2022	Cục CS QLHC về TTXH	49/9A, ấp 121, Bù Công Trùng, xã Đông Thạnh, TPHCM	0	0%
8	Trần Anh Khoa		Em chồng	CCCD	079097037260	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	49/9A, ấp 121, Bù Công Trùng, xã Đông Thạnh, TPHCM		
9	Trần Anh Khôi		Em chồng	CCCD	079204026701	12/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	49/9A, ấp 121, Bù Công Trùng, xã Đông Thạnh, TPHCM		
10	Trần Diệp Dương		Con	Định danh cá nhân	079323044306	2023	Công an xã Đông Thạnh	49/9A, ấp 121, Bù Công Trùng, xã Đông Thạnh, TPHCM		
VII	Đoàn Kim Phúc	Kế toán trưởng		CCCD	074182009282	25/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	420/24 Đại Lộ Bình Dương, tổ 13, khu 03, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh	329.905	0.458%

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/P assport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Công ty Cổ phần Vận tải U&I		Bà Đoàn Kim Phúc là Trưởng Ban Kiểm soát	Giấy ĐKKD	3700970866	21/8/2008 (thay đổi lần thứ 5 ngày 25/5/2022)	Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp.HCM)	158 Ngõ Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
2	Cáp Đức Nam		Chồng	CCCD	074081008105	24/02/2022	Cục CS QLHC về TTXH	420/24 Đại Lộ Bình Dương, tổ 13, khu 03, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
3	Cáp Minh Quân		Con trai	Định danh	074210005395	16/06/2022	CA Phường Phú Lợi	420/24 Đại Lộ Bình Dương, tổ 13, khu 03, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
4	Cáp Minh Quang		Con trai	Định danh	074216006063	16/06/2022	CA Phường Phú Lợi	420/24 Đại Lộ Bình Dương, tổ 13, khu 03, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
5	Cáp Đức Loan		Bố chồng	CCCD	038046005857	10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	420/24 Đại Lộ Bình Dương, tổ 13, khu 03, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
6	Nguyễn Thị Tạm		Mẹ chồng	CCCD	074152006224	25/01/2021	Cục CS QLHC về TTXH	420/24 Đại Lộ Bình Dương, tổ 13, khu 03, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
7	Đoàn Văn Chớ		Bố ruột	CCCD	079055013615	28/6/2021	Cục CS QLHC về TTXH	27/9 Khu phố Chánh Lộc 5, phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
8	Phạm Thị Ánh		Mẹ ruột	CCCD	074155000464	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	27/9 Khu phố Chánh Lộc 5, phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
9	Đoàn Thanh Phương		Anh trai	CCCD	074078000521	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	98/26/16 Khu phố Chánh Lộc 5, phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
10	Đoàn Thanh Phú		Em trai	CCCD	074085000290	25/03/2021	Cục CS QLHC về TTXH	27/9 Khu phố Chánh Lộc 5, phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
11	Đoàn Phú Lộc		Em trai	CCCD	074093000424	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	27/9 Khu phố Chánh Lộc 5, phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
12	Trần Vũ Phong Châu		Chị dâu	CCCD	074179000399	25/03/2021	Cục CS QLHC về TTXH	98/26/16 Khu phố Chánh Lộc 5, phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
13	Nguyễn Thị Mỹ Linh		Em dâu	CCCD	074188000633	10/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	27/9 Khu phố Chánh Lộc 5, phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/P assport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
VIII	Huỳnh Hữu Tâm	Người phụ trách quản trị Công ty		CCCD	080077010679	12/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Số 52/4, Đường DX30, Tổ 4, Khu phố Phú Mỹ 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh	62.244	0,086%
1	Huỳnh Văn Hoàng		Bố ruột	CCCD	080056005383	28/06/2021	Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH	125, Nhơn Trĩ 2, Phường Tân An, Tỉnh Tây Ninh	0	0%
2	Võ Thị Chuyển		Mẹ ruột	CCCD	080157009778	28/06/2021	Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH	125, Nhơn Trĩ 2, Phường Tân An, Tỉnh Tây Ninh	0	0%
3	Nguyễn Thị Nhan		Mẹ vợ	CCCD	074151003586	18/08/2022	Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH	Số 52/4, Đường DX30, Tổ 4, Khu phố Phú Mỹ 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
4	Võ Ngọc Dung		Vợ	CCCD	074175000453	29/03/2021	Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH	Số 52/4, Đường DX30, Tổ 4, Khu phố Phú Mỹ 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
5	Huỳnh Võ Anh Thư		Con	CCCD	074308009385	21/02/2023	Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH	Số 52/4, Đường DX30, Tổ 4, Khu phố Phú Mỹ 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
6	Huỳnh Võ Xuân Phương		Con	Định danh	074314004870	23/5/2022	Công an phường Phú Mỹ	Số 52/4, Đường DX30, Tổ 4, Khu phố Phú Mỹ 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%



STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
7	Võ Thạch Anh		Em vợ	CCCD	074084006466	17/04/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Số 52/4, Đường DX30, Tổ 4, Khu phố Phú Mỹ 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh09	0	0%
8	Võ Thạch Bảo		Em vợ	CCCD	074182010794	28/06/2021	Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH	Số 4, Đường DX30, Tổ 4, Khu phố Phú Mỹ 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh	0	0%
9	Huỳnh Công Hào		Em ruột	CCCD	074181009137	28/06/2021	Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH	Tổ 8, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai	0	0%
10	Liêu Thị Ngọc Thanh		Em dâu	CCCD	080078019181	09/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH	Tổ 8, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai	0	0%
11	Huỳnh Tuấn An		Em ruột	CCCD	082186014079	09/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH	125, Nhơn Trị 2, Phường Tân An, Tỉnh Tây Ninh	0	0%
12	Dương Thị Kim Hằng		Em dâu	CCCD	08008006309	30/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	314, Bình Trung 2, Phường Tân An, Tỉnh Tây Ninh	0	0%
13	Huỳnh Thanh Phong		Em ruột	CCCD	080181009107	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Số 3/76E, Tổ 22, Khu Phố Bình Thuận, Phường Lái Thiêu, Thành Phố Hồ Chí Minh	23.400	0,033%
14	Nguyễn Thị Huỳnh Mai		Em dâu	CCCD	080082013756	2/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Số 3/76E, Tổ 22, Khu Phố Bình Thuận, Phường Lái Thiêu, Thành Phố Hồ Chí Minh	0	0%

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/P assport/ Giấy DKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
15	Huỳnh Tấn Dũng		Em ruột	CCCD	074182003294	24/02/2022	Cục CS QLHC về TTXH	1025/13B CMT8, Phường Tân Sơn Nhất, Tp. Hồ Chí Minh	0	0%
16	Mai Thị Kim Phụng		Em dâu	CCCD	080084012479	20/08/2024	Bộ Công An	1025/13B CMT8, Phường Tân Sơn Nhất, Tp. Hồ Chí Minh	0	0%
17	Huỳnh Tấn Tài		Em ruột	CCCD	082185015033	11/06/2025	Bộ Công An	125, Nhơn Trị 2, Phường Tân An, Tỉnh Tây Ninh	0	0%
18	Phạm Thị Mơ		Em dâu	CCCD	080087014562	08/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH	125, Nhơn Trị 2, Phường Tân An, Tỉnh Tây Ninh	0	0%

Nguồn: CTCP Logistics U&I

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định

6.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

STT	Tên người giao dịch	Nội dung giao dịch	Số tiền giao dịch (Đvt: đồng)	Mối liên quan
Năm 2024				
1	Ông Nguyễn Xuân Phúc	Chia cổ tức bằng tiền	1.112.202.000	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
		Phân phối cổ phiếu từ phát hành cổ phần bằng nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty	11.798.600.000	
		Tạm ứng cổ tức năm 2024	671.358.000	
2	Bà Đoàn Thụy Diễm Huyền	Chia cổ tức bằng tiền	3.057.327.000	Trưởng Ban kiểm soát
		Phân phối cổ phiếu từ phát hành cổ phần bằng nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty	4.950.060.000	
		Tạm ứng cổ tức năm 2024	815.019.000	
3	Bà Cao Thu Yến	Chia cổ tức bằng tiền	320.313.000	Giám đốc Tài chính
		Phân phối cổ phiếu từ phát hành cổ phần bằng nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty	3.518.670.000	
		Tạm ứng cổ tức năm 2024	197.090.100	
4	Bà Đoàn Kim Phúc	Chia cổ tức bằng tiền	206.325.000	Kế toán trưởng
		Phân phối cổ phiếu từ phát hành cổ phần bằng nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty	1.334.050.000	
		Tạm ứng cổ tức năm 2024	98.971.500	
5	Ông Trương Phúc Khải	Tạm ứng cổ tức năm 2024	2.436.000	Thành viên Ban kiểm soát
6	Bà Nguyễn Thị Kim Linh	Tạm ứng cổ tức năm 2024	2.070.900	Thành viên Ban kiểm soát
Năm 2025				
1	Ông Nguyễn Xuân Phúc	Chia cổ tức bằng tiền	1.988.942.014	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
		Tạm ứng	33.137.500.000	
		Hoàn trả tạm ứng	33.137.500.000	

STT	Tên người giao dịch	Nội dung giao dịch	Số tiền giao dịch (Đvt: đồng)	Mối liên quan
2	Bà Cao Thu Yến	Chia cổ tức bằng tiền	994.471.007	Giám đốc Tài chính
3	Ông Trần Hoàng Thông	Tạm ứng	12.546.835.228	Giám đốc Khối Phát triển kinh doanh
		Hoàn trả tạm ứng	12.546.835.228	
4	Bà Đoàn Kim Phúc	Tạm ứng	2.170.000.000	Kế toán trưởng
		Hoàn trả tạm ứng	2.170.000.000	

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 của U&I Logistics

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên người giao dịch	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm 2024						
1	Ông Mai Hữu Tín	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	180.000.000	180.000.000
2	Ông Nguyễn Xuân Phúc	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	2.643.664.000	505.691.000	120.000.000	3.269.355.000
3	Bà Mai Ngọc Hào	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	90.000.000	90.000.000
4	Bà Đoàn Thụy Diễm Huyền	Trưởng Ban kiểm soát	-	-	118.000.000	118.000.000
5	Ông Trương Phúc Khải	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	96.000.000	96.000.000
6	Bà Nguyễn Thị Kim Linh	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	88.000.000	88.000.000
7	Bà Cao Thu Yến	Giám đốc tài chính	1.058.880.000	182.482.000	24.000.000	1.265.362.000
8	Ông Nguyễn Thanh Lâm	Giám đốc Khối Kho vận	1.250.880.000	230.080.463	48.000.000	1.528.960.463
9	Ông Trần Hoàng Thông	Giám đốc Khối Phát triển kinh doanh	968.880.000	198.482.000	-	1.167.362.000

STT	Tên người giao dịch	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
10	Ông Tô Chiêu Bình	Giám đốc Khối Giao nhận Quốc tế	1.135.680.000	61.067.000	-	1.196.747.000
11	Ông Bùi Hữu Nghĩa	Giám đốc Khối Hành chính Nhân sự	878.880.000	167.641.000	-	1.046.521.000
12	Ông Nguyễn Quốc Cường	Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin	512.680.000	4.800.000	-	517.480.000
13	Bà Đoàn Kim Phúc	Kế toán trưởng	878.880.000	167.640.000	-	1.046.520.000
Năm 2025						
1	Ông Mai Hữu Tín	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	180.000.000	180.000.000
2	Ông Nguyễn Xuân Phúc	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	2.734.080.000	568.984.000	360.000.000	3.663.064.000
3	Bà Mai Ngọc Hào	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	60.000.000	60.000.000
4	Bà Đoàn Thụy Diễm Huyền	Trưởng Ban kiểm soát	-	-	120.000.000	120.000.000
5	Ông Trương Phúc Khải	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	96.000.000	96.000.000
6	Bà Nguyễn Thị Kim Linh	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	96.000.000	96.000.000
7	Bà Cao Thu Yến	Giám đốc Tài chính	617.680.000	6.857.000	84.000.000	708.537.000
8	Ông Nguyễn Thanh Lâm	Giám đốc Khối Kho vận	312.720.000	-	60.000.000	372.720.000
9	Ông Trần Hoàng Thông	Giám đốc Khối Phát triển kinh doanh	617.680.000	6.857.000	60.000.000	684.537.000

STT	Tên người giao dịch	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
10	Ông Bùi Hữu Nghĩa	Giám đốc Khối Hành chính Nhân sự	416.740.000	6.719.000	-	423.459.000
11	Ông Nguyễn Đức Tiến	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh	846.809.002	6.719.000	6.000.000	859.528.002
12	Bà Đoàn Kim Phúc	Kế toán trưởng	878.880.000	207.538.000	60.000.000	1.146.418.000

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 của U&I Logistic

6.2. Giao dịch với các bên liên quan khác

STT	Các bên liên quan thực hiện giao dịch	Nội dung giao dịch	Số tiền giao dịch (Đvt: đồng)	Mối liên quan
Năm 2024				
1	Công ty Cổ phần Đầu tư U&I	Lãi cho vay	334.582.954	Cổ đông sở hữu 29,33% vốn điều lệ
		Chia cổ tức bằng tiền	22.050.000.000	
		Phân phối cổ phiếu từ phát hành cổ phần bằng nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty	35.700.000.000	
		Tạm ứng cổ tức năm 2024	6.334.743.600	
2	Công ty Cổ phần Nông nghiệp U&I	Chi phí mua hàng hóa và dịch vụ	3.063.000	Công ty cùng chủ đầu tư
3	Công ty TNHH Mỹ nghệ U&I	Chi hộ	60.922.271	Công ty cùng chủ đầu tư
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	Chi hộ	6.644.629.525	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.680.000	
Năm 2025				
1	Công ty Cổ phần Nông nghiệp U&I	Chi hộ	3.949.077	Công ty cùng chủ đầu tư
2	Công ty TNHH Mỹ nghệ U&I	Chi hộ	100.837.484	Công ty cùng chủ đầu tư

STT	Các bên liên quan thực hiện giao dịch	Nội dung giao dịch	Số tiền giao dịch (Đvt: đồng)	Mối liên quan
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	Chi hộ	3.898.470.349	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
4	Công ty Cổ phần Bất động sản U&I	Chia cổ tức	399.979.487	Tổng Giám đốc Công ty là cổ đông lớn của U&I
5	Công ty Cổ phần Mai và Cộng sự	Chia cổ tức	399.979.487	Công ty có cùng chủ đầu tư
6	Công ty Cổ phần Xây dựng U&I	Phí sửa chữa kho	15.984.729.400	Công ty có cùng chủ đầu tư
7	Công ty Cổ phần Trường Thành	Chi hộ	2.610.000	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
Quý 1/2026				
1	Công ty Cổ phần Đầu tư U&I	Thu tiền lãi cho vay	291.986.302	Cổ đông sở hữu 29,33% vốn điều lệ
2	Công ty Cổ phần Nông nghiệp U&I	Chi hộ	5.535.915	Công ty cùng chủ đầu tư
3	Công ty TNHH Mỹ nghệ U&I	Chi hộ	16.307.768	Công ty cùng chủ đầu tư
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	Chi hộ	868.626.907	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
5	Công ty Cổ phần Trường Thành	Chi hộ	450.000	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 và Quý 1/2026 của U&I Logistics

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CAM KẾT CỦA CÔNG TY**1. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin công ty đại chúng:**

- Ông Mai Hữu Tín – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Logistics U&I
- Ông Nguyễn Xuân Phúc – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics U&I
- Bà Đoàn Kim Phúc – Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Logistics U&I

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản công bố thông tin.

2. Cam kết của công ty:

- Công ty cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của thông tin tại Bản công bố thông tin và các tài liệu kèm theo.
- Sau khi được xác nhận hoàn tất đăng ký công ty đại chúng, công ty tuân thủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Chứng khoán.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

V. NGÀY THÁNG NĂM, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ĐẠI CHÚNG

Ngày 06 tháng 7 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ĐẠI CHÚNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

KẾ TOÁN TRƯỞNG

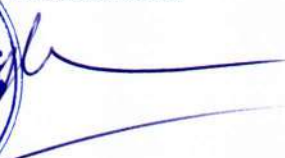


ĐOÀN KIM PHÚC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN PHÚC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



MAI HỮU TÍN